SỰ ĐIỀU CHỈNH TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC SANG CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ



Tạ Thanh Khương - Đặng Thị Lan

[2013]

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

APEC	Asia Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn Khu vực ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEM	The Asia-Europe Meeting	Hội nghị thượng đỉnh Á – Âu
CHDCND		Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân
DOC	The Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
EAS	East Asia Summit	Hội nghị cấp cao Đông Á
GDP	Gross Domestic Product	Tổng thu nhập quốc nội
GNP	Gross National Product	Tổng thu nhập quốc dân
EU	European Union	Liên minh Châu Âu
IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
NAFTA	The North American Free Trade Agreement	Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ

OECD	The Organisation for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế
OPEC	Organization of the Petroleum Exporting Countries	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa
PPP	Purchasing Power Parity	Sức mua tương đương
UNESCAP	United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific	Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương
USD	United States dollar	Đô la Mỹ
WTO	World Trade Organzation	Tổ chức thương mại thế giới

LỜI MỞ ĐẦU

Từ năm 2008, khi tổng thống Obama lên nắm quyền, Mỹ đã có những điều chỉnh đáng kể trong chiến lược an ninh toàn cầu của mình. Theo đó, Mỹ chuyển hướng trọng tâm chiến lược sang khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực mà có sự phát triển kinh tế năng động bậc nhất thế giới và đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Đó được coi là sự điều chỉnh mang tính bước ngoặt nhằm khôi phục sức mạnh, củng cố vị thế, duy trì và mở rộng vai trò lãnh đạo của Mỹ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng như trên toàn cầu. Đồng thời, tác động từ việc thực thi những chiến lược mới của Mỹ chắc chắn có ảnh hưởng không nhỏ đối với tình hình an ninh, kinh tế, chính trị thế giới, khu vực. Bởi vậy, hiện nay, những điều chỉnh chính sách của Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương đang được sự quan tâm chú ý một cách đặc biệt bởi các nước trong và ngoài khu vực. Tuy nhiên, không ít nghi vấn được đặt ra đối với khả năng thành công cũng như ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế mà sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ đem lại.

Để góp phần đưa ra một sự nhìn nhận đúng đắn và toàn diện về chiến lược mới của chính quyền Obama về Châu Á – Thái Bình Dương, tác giả đã lựa chọn "Sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với khu vực Châu Á-Thái Bình Dương dưới thời tổng thống Obama" làm đề nghiên cứu của mình. Việc nghiên cứu đề tài cũng sẽ làm rõ những cơ hội, thách thức mà thế giới và khu vực phải đối mặt trong bối cảnh Mỹ điều chỉnh chiến lược.

CHƯƠNG 1. CÁCH ĐỊNH NGHĨA VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1.1 Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

Xét về mặt địa lý là khu vực bao gồm các quốc gia nằm ở Đông Á (Đông Bắc Á, Đông Nam Á), và các quốc gia không thuộc châu Á tiếp giáp Thái Bình Dương. Tuy nhiên trong trong một số trường hợp để xác định các khu vực chính trị trên thế giới, cách hiểu khu vực này có thể được mở rộng hơn bao gồm cả Ấn Độ.[1] Cách định nghĩa mở rộng này, được sử dụng phổ biến trong các tài liệu phân tích chính trị, quan hệ quốc tế của Mỹ nên được nhóm tác giả thống nhất sử dụng trong toàn bộ bài viết.

1.2 Thuật ngữ "Chuyển hướng trọng tâm chiến lược"

Đây là thuật ngữ được tổng thống Obama và các nhà chính trị, nhà ngoại giao Mỹ sử dụng khá phổ biến trong các bài viết và phát biểu của mình. Ngoài khái niệm này, một số thuật ngữ khác cũng được sử dụng để chỉ sự thay đổi trong chiến lược của Mỹ đối với khu vực này như "pivot" - xoay trục, "rebalance" – tái cân bằng hay "reassertion" – sự tăng cường hiện diện.

[1] Định nghĩa về khu vực Châu Á – Thái Bình Dương rút trong cuốn "Asia Pacific in world politic", tác giả Derek McDougall

CHƯƠNG 2. NGUYÊN NHÂN SỰ LỰA CHỌN CHÂU Á –THÁI BÌNH DƯƠNG LÀM TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ

2.1 Sự thay đổi của hệ thống trật thế giới

Sự biến đổi của hệ thống quốc tế là một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu dẫn tới sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Mỹ dưới thời tổng thống B.Obama mà theo đó trọng tâm chiến lược là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Hệ thống quốc tế đã và đang trải qua những biến đổi nhanh chóng và đa dạng. Điều đó trước nhất được thể hiện ở sự thay đổi trong Cục diện quốc tế - tình hình thế giới, các mối quan hệ quốc tế biểu hiện trong một giai đoạn lịch sử nhất định và kéo theo đó là sự biến đổi trên bình diện Trật tự thế giới – kết cấu quyền lực, vị thế, vai trò của các chủ thể và mối liên hệ giữa các chủ thể đó trong quan hệ quốc tế xét ở một giai đoạn lịch sử tương đối dài.

Năm 1991, Liên Bang Xô Viết sụp đổ đem đến hệ quả là sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực chấm dứt. Từ năm 1991 đến năm 2003 (thời điểm Mỹ tấn công Iraq) có thể được nhìn nhận như khoảng thời gian đơn cực ngắn ngủi của nước Mỹ. Trên thế giới thời điểm bấy giờ, không còn quốc gia nào có được vị thế ngang bằng hay có thể thách thức vị thế của Mỹ. Những vấn đề chính trị và kinh tế - xã hội đã đẩy nước Nga, nước kế thừa chính của Liên Xô, vào sự khủng hoảng triền miên trong suốt những năm 1990 và bị các cường quốc khác bỏ lại khá xa về khoảng cách phát triển. Nước Nhật là cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới nhưng chỉ được ví như "chú lùn về chính trị" và không có được sự tự chủ về an ninh quốc phòng khi phải chấp nhận núp dưới chiếc ô hạt nhân của Mỹ. Trung Quốc trong giai đoạn này thực thi chính sách "ẩn mình chờ thời" nhằm tìm kiếm một môi trường hòa bình cho sự phát triển kinh tế nên luôn giữ thái độ khá ôn hòa trong các vấn đề quốc tế, chưa trở thành mối đe dọa hiện hữu đối với Mỹ. Việc Mỹ đơn phương phát động cuộc chiến Afghanistan (2001)

và Iraq (2003) mà gần như không gặp phải sự phản đối đáng kể nào càng cho thấy sự lấn lướt của Mỹ đối với các chủ thể còn lại trong quan hệ quốc tế.

Tuy nhiên, trong khi Mỹ đẩy mạnh các hành động đơn phương nhằm hướng tới việc thiết lập một trật tự thế giới đơn cực với sự thống trị của Mỹ thì những thay đổi nhanh chóng của cục diện thế giới đã tác động không nhỏ tới vị thế của nước này trong quan hệ quốc tế. Mỹ tuy vẫn giữ được vị thế quốc gia quyền lực số một thế giới nhưng đã và đang có sự suy giảm tương đối so với các cường quốc khác.

Xu hướng hợp tác đa phương hóa, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ khiến cho tính cạnh tranh và sự ràng buộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày một lớn hơn. Mỹ tuy là cường quốc đứng đầu thế giới, là nhân tố thúc đẩy, được hưởng lợi nhưng cũng chịu tác động không nhỏ từ các xu hướng đó. Lợi ích của nước Mỹ trên cả ba phương diện kinh tế, chính trị, an ninh bị chi phối, lệ thuộc nhiều hơn trong những mối quan hệ đan xen với các quốc gia, tổ chức khác. Nhiều quốc gia đã tận dụng việc mở cửa thị trường, tự do lưu thông hàng hóa đẩy nhanh sự tăng trưởng vươn lên cạnh tranh trực tiếp với Mỹ. Bên cạnh những hệ thống kinh tế, chính trị mà Mỹ khởi xướng và chi phối (WTO, IMF, NAFTA, Liên Hợp Quốc…), sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức liên kết kinh tế, chính trị khu vực như EU, ASEAN, OPEC… ngày càng có tiếng nói độc lập với Mỹ và vươn lên khẳng định vai trò, vị trí của mình trong việc tham gia hoạch định và giải quyết các vấn đề có liên quan đến vận mệnh chung của khu vực, thế giới.

Thập kỉ đầu tiên của thế kỉ 21, thế giới chứng kiến hình ảnh nước Mỹ bị kìm chân trong hai cuộc chiến Afghanistan và Iraq. Sự sa lầy trong hai cuộc chiến đó đã làm tiêu hao đáng kể các nguồn lực, làm suy yếu sức mạnh của nước Mỹ. Theo tạp chí Newsweek ra ngày 30/6/2011, số tiền nước Mỹ phải chi ra để trang trải cho các cuộc chiến tại Afghanistan và Iraq tổng cộng là 3.700 tỷ USD, thậm chí có thể lên tới 4.400 tỷ USD và chắc chắn đó chưa phải con số cuối cùng. Về người, số binh sỹ Mỹ chết trong cuộc chiến Iraq ước tính vào thời điểm hoàn tất

rút quân ước tính là khoảng hơn 4400 người trong khi đến cuối năm 2012 tại chiến trường Afghanistan cũng đã có hơn 2000 lính Mỹ thiệt mạng.[2] Bên cạnh đó, số lính Mỹ bị thương, tàn phế từ hai cuộc chiến hàng chục nghìn người đang tạo ra gánh nặng không nhỏ cho ngân sách an sinh xã hội nước này. Nếu như khi mới phát động cuộc chiến, nước Mỹ tỏ ra vượt trội hơn hẳn so với các quốc gia còn lại và phản ứng của các nước như Nga, Trung Quốc, Iran lúc bấy giờ theo hướng tăng cường đầu tư vào phát triển quân sự phòng thủ được hiểu là nhằm cố gắng cân bằng lại sức mạnh và kìm chế sự đơn phương phương của Mỹ thì sự sa lầy cảu Mỹ tại cuộc chiến Afghanistan và Iraq thực sự là một cơ hội để họ vươn lên khẳng định vị thế của mình. Khi mà nước Mỹ bị kìm hãm, sa sút về nguồn lực và trở nên bất lực trước những vấn đề nghiêm trọng trong nước và thế giới thì việc nước này phải bắt tay hợp tác nhiều hơn với các cường quốc khác là điều tất yếu. Vì vậy, quyền lực của nước Mỹ trong trật tự thế giới ngày càng bị chia sẻ và suy giảm.

Sự chững lại và suy yếu của các quốc gia phát triển (trong đó có Mỹ và các đồng minh của Mỹ) trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt đầu năm 2008 cùng với việc những quốc gia, khu vực đang phát triển mới nổi muốn có một vị thế chính trị xứng đáng hơn so với sức mạnh kinh tế của mình đã đẩy nhanh của sự dịch chuyển và phân tán quyền lực trên phạm vi toàn cầu: dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông, từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương; quyền lực phân tán trải khắp các khu vực, Châu Âu, Trung Đông - Bắc Phi, Mỹ La-tinh, Châu Phi, Châu Á – Thái Bình Dương… Trong đó, vị thế trung tâm quyền lực Châu Âu bị suy yếu, mờ nhạt còn khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đóng vai trò ngày càng nổi bật trong mối quan tâm chính trị, kinh tế, an ninh toàn cầu.

Như vậy, đánh giá một cách tổng thể khi nhiệm kì thứ hai của tổng thống George.W.Bush kết thúc là lúc vị thế siêu cường lãnh đạo toàn cầu của Mỹ bị

[2] http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2012/10/my-mat-2-000-binh-si-tai-afghanistan/. Truy cập ngày 10/3/2013

thách thức nghiêm trọng. Những thay đổi của cục diện quốc tế đã dần định hình một trật tự thế giới đa cực nhất siêu cường thay vì trật tự nhất siêu đa cường. Sự yếu đi tương đối của nước Mỹ cùng với các đồng minh châu Âu truyền thống thúc đẩy nước Mỹ dưới thời tổng thống Barack Obama phải lựa chọn một hướng đi mới trong chiến lược toàn cầu của mình theo đó hướng tới khu vực Châu Á – Thái Bình Dương như biểu hiện của một sự tập hợp lực lượng mới nhằm duy trì vị thế lãnh đạo toàn cầu của mình. Mong muốn duy trì vị thế quyền lực đứng đầu thế giới, sự lo ngại mất đi vị thế đó là động cơ chính trong việc điều chỉnh các chiến lược của Mỹ và việc lựa chọn Châu Á – Thái Bình Dương làm trọng tâm của chính quyền Obama cũng không phải ngoại lệ.

Sự lựa chọn Châu Á – Thái Bình Dương làm trọng tâm chiến lược phản ánh những toan tính lâu dài của Mỹ. Trong các khu vực được coi là có ý nghĩa chiến lược với Mỹ: Châu Âu, Trung Đông – Bắc Phi, Mỹ La-tinh, Châu Á – Thái Bình Dương, tùy vào diễn biến của tình hình cụ thể và lợi ích thu được mà Mỹ lựa chọn đâu là khu vực ưu tiên. Trong khoảng thời gian hơn nửa thế kỉ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mỹ dồn sự tập trung vào Châu Âu, đấu trường chính của Chiến tranh lạnh. Thập niên đầu tiên của thế kỉ 21, nước Mỹ lại phải hướng sự chú ý của mình chảo lửa Trung Đông. Châu Âu, Trung Đông – Bắc Phi, Mỹ Latinh hiện nay chưa hẳn đã thoát khỏi những rắc rối. Cuộc khủng hoảng nợ công dai dẳng đang đặt ra những thách thức to lớn đối với tính bền vững của Liên minh Châu Âu; tình hình Trung Đông – Bắc Phi vẫn rất phức tạp với các vấn đề hạt nhân Iran, tranh chấp lãnh thổ Israel và Palestine, bạo lực kéo dài ở Syria... hay phòng trào cánh tả đang lên ở khu vực Mỹ Latinh sẽ tiếp tục là mối bận tâm của Mỹ trong tương lai. Tuy nhiên, nhìn chung, tình hình thế giới có những hoàn cảnh thuận lợi cho phép Mỹ có thể tập trung ưu tiên vào khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Châu Âu, nơi tập trung nhiều đồng minh của Mỹ nhất, là khu vực khá ổn định về chính trị và an ninh, những nguy cơ an ninh truyền thống trước

mắt không nhiều. Hai cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan đã tiêu tốn rất nhiều nguồn lực sức mạnh của nước Mỹ nhưng sẽ là sai lầm nếu cho rằng nước Mỹ là "kẻ thua cuộc". Với hai cuộc chiến, nước Mỹ đã tạo cho mình sự kiểm soát, ảnh hưởng lớn đối với khu vực Trung Đông giàu tài nguyên dầu lửa; thiết lập hành lang bao vây với các đối thủ tiềm tàng (Iran, Trung Quốc); bảo vệ đồng minh Israel. Thành công của Mỹ trong việc tiêu diệt Bin Laden và một số tên cầm đầu mạng lưới khủng bố quốc tế Al-Qaeda không đồng nghĩa với sự chấm dứt của chủ nghĩa khủng bố nhưng nó góp phần làm cho lực lượng khủng bố suy yếu và hạn chế khả năng đe dọa từ khủng bố đối với nước Mỹ. Việc rút quân Mỹ tại Iraq kết thúc năm 2010 và kế hoạch hoàn rút quân Mỹ tại Afghanistan được ấn định vào năm 2014 đồng nghĩa với sự dính líu của Mỹ vào các cuộc chiến hao người tốn của đang đi đến hồi kết

2.2 Vị thế gia tăng của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong quan hệ quốc tế

Tồn tại một thời gian dài, lịch sử châu Á –Thái Bình Dương gắn liền với sự chi phối của sức mạnh kinh tế và quân sự vượt trội của Mỹ. Ba cuộc chiến lớn của Mỹ từng được tiến hành tại đây: cuộc chiến Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh Việt Nam. Một mạng lưới đồng minh và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Á đã được thiết lập cùng với thời gian bắt đầu Chiến tranh lạnh và vẫn duy trì tồn tại đến hiện nay. Nhưng sau sự sụp đổ của Liên Xô, Mỹ đã không có sự quan tâm đúng mức tới khu vực này. Trong khi đó, sức mạnh chính trị và tốc độ phát triển kinh tế của khu vực này tăng lên nhanh chóng so với các khu vực khác trên thế giới. Mọi xu hướng địa - chính trị, kinh tế và quân sự - đang đổ về Châu Á – Thái Bình Dương, đưa khu vực này dần trở thành trung tâm quyền lực quan trọng thế giới trong thế kỷ 21.

Thứ nhất, về khía cạnh chính trị, trong cục diện quốc tế, chưa bao giờ khu vực châu Á - Thái Bình Dương có được vị thế to lớn và quan trọng như những năm

gần đây. Khu vực này chiếm tới 40% diện tích, hơn 1/2 tổng dân số của thế giới và tập trung rất nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng. Châu Á – Thái Bình Dương cũng được coi là khu vực điển hình cho trật tự đa cực nhất siêu cường, nơi tập hợp hầu hết trung tâm quyền lực lớn nhất thế giới hiện nay là Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và Ấn Độ. Mối quan hệ giữa các cường quốc trong khu vực được xây dựng trên cơ sở vừa hợp tác, thúc đẩy đồng thời vừa kiềm chế đối trọng lẫn nhau và có ảnh hưởng mang tính toàn cầu. Sự cạnh tranh quyền lực, việc va chạm lợi ích và quá trình tập hợp lực lượng trong khu vực diễn ra phức tạp và quyết liệt. Sự phân cực giữa nhóm những nước đồng minh, đối tác của Mỹ và nhóm những nước nổi lên là đối thủ của Mỹ vẫn tiếp tục diễn ra, tuy nhiên ranh giới giữa đối tác và đối thủ là không hoàn toàn rõ ràng trong nhiều trường hợp và lĩnh vực.

Thứ hai, trong lĩnh vực kinh tế, khu vực châu Á - Thái Bình Dương chiếm một vai trò nổi bật, có khả năng chi phối kinh tế toàn cầu. Khu vực này hiện chiếm tới gần 58% GDP, hơn 50% lượng hàng hóa xuất khẩu, 48% nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và 2/3 tổng lượng dự trữ toàn thế giới. Đây cũng là khu vực sự phát triển kinh tế nhanh và sôi động bậc nhất toàn cầu. Theo các bản báo cáo thường niên của Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (UNESCAP), tốc độ tăng trưởng của khu vực này năm 2004, 2010, 2011 lần lượt là 7,2%, 8,9%, 7,0%.[3] Sự tăng trưởng này luôn cao hơn mức bình quân chung của thế giới, thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu đi lên.

Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu năm 2008 và còn đang tiếp diễn ảnh hưởng sâu sắc tới các hầu khắp các quốc gia và khu vực, kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương nổi lên như là mỏ neo, điểm tựa và động lực của nền kinh tế thế giới. Khu vực này không nằm ngoài sự ảnh hưởng từ những diễn biến xấu chung của nền kinh tế thế giới và các các khu khác khi mà

[3] http://www.unescap.org/pdd/publications/ Truy cập ngày 13/3/2013

tốc độ tăng trưởng có phần chậm lại (tốc độ tăng trưởng khu vực giảm từ mức 8.9% năm 2010 xuống còn 7.0% năm 2011). Tuy nhiên, Châu Á – Thái Bình Dương vẫn là khu vực có được tốc độ tăng trưởng và sự phục hồi khả quan nhất trên thế giới. Sự tăng trưởng chung của khu vực trong tương lai sẽ tiếp tục được duy trì nhờ nhu cầu nội địa và thương mại nội vùng tăng giúp bù đắp sự suy giảm xuất khẩu sang các nền kinh tế phát triển. Sự tăng trưởng của khu vực giúp cân bằng và thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế thế giới đồng thời giúp cho các khu vực đang phát triển khác như Mỹ Latinh và Châu Phi giảm sự phụ thuộc vào các nền kinh tế phát triển đang trì trệ.

Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở vị thế hiện tại, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đang dần khẳng định vai trò của một đầu tàu kinh tế thế giới, sân khấu chính cho các hoạt động thương mại kinh tế toàn cầu trong thế kỉ 21. Dân số đông tạo nên một thị trường tiêu thụ hàng hóa và nhân công to lớn và đầy tiềm năng. Trong xã hội của các nước khu vực, nhờ thành tựu phát triển kinh tế, số người thuộc tầng lớp trung lưu[4] và số lượng người giàu tiếp tục tăng lên nhanh chóng. Bản báo cáo "Tầng lớp trung lưu mới nổi tại các quốc gia đang phát triển" (The Emerging Middle Class in Developing Countries)[5] được công bố năm 2010 của tổ chức OECD đã ước tính quy mô của tầng lớp trung lưu trên thế giới sẽ tăng từ 1.8 tỷ người năm 2009 lên đến 3.2 và 4.9 tỷ người trong các năm 2020, 2030 tương ứng. Trong đó, tầng lớp trung lưu ở Châu Á – Thái Bình Dương chứng kiến mức tăng lớn nhất cả về số lượng cũng như sức mua. (xem bảng 1 và bảng 2)

Bảng 1. Số lượng (triệu) và tỉ lệ (%) số người thuộc tầng lớp trung lưu của các khu vực so quy mô tầng lớp trung lưu thế giới.

[4] "Tầng lớp trung lưu" theo định nghĩa của OECD là: Tầng lớp trung gian giữa tầng lớp người nghèo và tầng lớp người giàu, có mức thu nhập bình quân là 10-100 USD/người/ngày tính theo sức mua tương đương.

[5] http://www.oecd.org/dev/44457738.pdf Truy cập ngày: 15/3/2013

	2009		2020		2030	
Bắc Mỹ	338	18%	333	10%	322	7%
Châu Âu	664	36%	704	22%	680	14%
Trung và Nam Mỹ	181	10%	251	8%	313	6%
Châu Á –Thái Bình Dương	525	28%	1740	54%	3228	66%
Nam sa mạc Saharan Châu Phi	32	2%	57	2%	107	2%
Trung Đông và Bắc Phi	105	6%	165	5%	234	55
Thế giới	1845	100%	3249	100%	4484	100%

(Nguồn: http://www.oecd.org/dev/44457738.pdf)

Bảng 2. Chi tiêu trong tầng lớp trung lưu thế giới giai đoạn 2009-2030 (triệu USD tính theo PPP năm 2005)

	2009		2020		2030	
Bắc Mỹ	5602	26%	5863	17%	5837	10%
Châu Âu	8138	38%	10301	29%	11337	20%
Trung và Nam Mỹ	1534	7%	2315	7%	3117	6%
Châu Á – Thái Bình Dương	4952	23%	14798	42%	32596	59%
Nam sa mạc Saharan Châu Phi	256	1%	448	1%	827%	1%
Trung Đông – Bắc Phi	756	4%	1321	4%	1966	4%

Thế giới	21278	100%	35045	100%	55680	100%

(Nguồn: http://www.oecd.org/dev/44457738.pdf)

Việc tăng nhanh về số lượng và mức chi tiêu của tầng lớp trung lưu làm tăng nhu cầu nội địa duy trì sự ổn định kinh tế khu vực, đồng thời gia tăng nhu cầu đối với các loại hàng hóa xa xỉ của các nước phát triển. Tầng lớp trung lưu Châu Á – Thái Bình Dương sẽ dần thay thế vai trò truyền thống của Bắc Mỹ và Châu Âu để trở thành lực lượng tiêu dùng lớn nhất trên thế giới.

Trong khi đó, xét về khía cạnh quy mô kinh tế, theo sự đánh giá của cựu Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu, GNP của Đông Á theo sức mua ngang giá sẽ đạt 34.000 tỷ USD năm 2020 (tức chiếm 40% GNP của thế giới) vượt qua GNP của Bắc Mỹ (16.000 tỷ USD-18%) và 15 nước EU (12.000 tỷ USD-14%). Năm 2050, tỷ trọng kinh tế của ba khu vực Đông Á, Bắc Mỹ và EU trong nền kinh tế thế giới sẽ lần lượt là 42%; 15% và 10%.[6] Sự phát triển hiện tại cũng như vai trò tiềm năng kinh tế trong tương của Châu Á – Thái Bình Dương đang thu hút sự chú ý của nhiều quốc gia và tổ chức. Liên Minh Châu Âu, Nga, Nhật Bản xem đây là khu vực có thể giúp họ khắc phục các vấn đề kinh tế đang tồn tại và đối tác hợp tác quan trọng trong tương lai.

Riêng với Mỹ, kinh tế nước này ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Khu vực này đóng góp tới 60 % tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ hằng năm với giá trị thương mại lên tới 1000 tỷ USD. Việc Mỹ lựa chọn châu Á làm trọng tâm chiến lược trước có sự thúc đẩy lớn từ lợi ích kinh tế. Nước Mỹ cần một nền kinh tế đủ mạnh để duy trì sức mạnh chính trị và quân sự có thể lãnh đạo thế giới. Với vị trí của một quốc gia nằm trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, nước Mỹ hiểu rõ được tầm quan trọng của khu vực này và không muốn bị coi là "kẻ chậm chân" trong việc khai thác các tiềm năng

[6] Các đánh giá của cựu thủ tướng Singapore được lấy trong bài: Châu Á – Thái Bình Dương trước thềm thế kỉ XXI http://www.ncseif.gov.vn/sites/en/Pages/chaua-thaibinhduong-nd-15543.html, truy cập ngày 5/3/2013.

kinh tế khu vực. Sự tăng cường hợp tác, can dự vào nơi được coi là có nền kinh tế phát triển sôi động nhất hiện nay và trung tâm thương mại lớn nhất toàn cầu tương lai sẽ là giải pháp giúp Mỹ vượt qua được những vấn đề nội tại nan giải như tình trạng thâm hụt ngân sách khổng lồ, nợ công trầm trọng, thất nghiệp tăng cao buộc nước này phải thắt chặt chi tiêu chính phủ trong đó gần 500 tỷ ngân sách quốc phòng sẽ bị cắt giảm trong mười năm tới. Đồng thời, qua sự can dự kinh tế, Mỹ có thể củng cố và mở rộng ảnh hưởng của mình đối với khu vực và quốc tế.

Yếu tố thứ ba quyết định đến việc chính quyền Obama chuyển trọng tâm chiến lược về Châu Á – Thái Bình Dương là khả năng duy trì sức mạnh quân sự vượt trội của quân đội Mỹ và vấn đề an ninh tại khu vực này. Các thành tố chính trị, quân sự và an ninh trong quan hệ quốc tế có sự tương tác, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau. Vì vậy, trong bối cảnh sự thay đổi về cục diện chính trị và kinh tế, các vấn đề về quân sự và an ninh tại Châu Á - Thái Bình Dương có những diễn biến rất phức tạp. Yếu tố sức mạnh quân sự và an ninh cũng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong các nỗ lực nhằm đảm bảo và gia tăng vị thế chính trị và kinh tế của các quốc gia khu vực và dĩ nhiên, Mỹ không phải là ngoại lệ.

Châu Á – Thái Bình Dương là nơi có lực lượng quân sự tập trung đông đảo nhất thế giới và chiếm phần lớn lượng chi tiêu ngân sách quốc phòng toàn cầu. Sáu trong số mười lực lượng quân đội lớn nhất thế giới (Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Nga, Bắc Triều Tiên, Hàn Quốc – xem bảng 3); năm trong mười nước có chi tiêu quốc phòng nhiều nhất thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản) đều nằm ở khu vực này.

Bảng 3. Top 10 quốc gia có số quân đội thường trực lớn nhất thế giới năm 2011 (đơn vị: người)

Stt	Quốc gia	Sô quân thường trực

1	Trung Quốc	2 285 000
2	Mỹ	1 477 896
3	Ấn Độ	1 325 000
4	Nga	1 200 000
5	Bắc Triều Tiên	1 106 000
6	Nam Triều Tiên (Hàn Quốc)	653 000
7	Pakistan	617 000
8	Thổ Nhĩ Kì	612 000
9	Iran	545 000
10	Ai Cập	468 000

(Nguồn: http://www.globalfirepower.com/active-military-manpower.asp)

Bảng 4. Top mười quốc gia có ngân sách chi tiêu quốc phòng lớn nhất thế giới năm 2012

Stt	Quốc gia	Ngân sách chi tiêu quốc phòng (USD)
1	Mỹ	689 591 000 000
2	Trung Quốc	129 272 000 000
3	Nga	64 000 000 000

4	Pháp	58 244 000 000
5	Anh	57 875 170 000
6	Nhật	54 539 000 000
7	Ả Rập Xê-ut	46 219 000 000
8	Ấn Độ	44 282 000 000
9	Đức	43 487 000 000
10	Italia	31 946 000 000

Hiện sức mạnh quân sự Mỹ vẫn đang duy trì sự vượt trội so với các quốc gia khu vực khác nhưng khoảng cách chênh lệch cũng đang dần bị thu hẹp. Trong thời gian qua, nhiều nước đã đẩy mạnh việc củng cố, hiện đại hóa quân đội và tăng ngân sách chi tiêu quốc phòng tạo ra một cuộc chạy đua về sức mạnh quân sự trong khu vực.

Cuộc chạy đua về sức mạnh quân sự ấy chắc chắn đem lại nguồn thu không nhỏ cho nước Mỹ từ việc bán vũ khí cho thị trường rộng lớn và tiềm năng này. Tuy nhiên, nó cũng có thể sẽ thu hẹp dần khoảng cách về tiềm lực quân sự của một số nước so với Mỹ, thách thức ảnh hưởng của Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương, thậm chí là đe dọa đến khả năng bảo đảm an ninh của chính nước này. Đồng thời, nó cũng cho thấy phản ứng của các nước đối với các diễn biến an ninh phức tạp trong khu vực. Nó đòi hỏi Mỹ phải có sự quan tâm thỏa đáng để ngăn chặn những diễn biến bất lợi và tận dụng thời cơ để mang về lợi ích cho quốc gia.

Vấn đề tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ đặc biệt là các tranh chấp chủ quyền biển, đảo ở Biển Hoa Đông và Biển Đông hiện vẫn trong tình trạng căng thẳng. Nếu

các căng thẳng ấy không được các bên liên quan giải quyết thỏa đáng sẽ tạo ra những nguy cơ gây bất ổn, thậm chí những hành động thái quá có thể kích động sự bùng nổ xung đột vũ trang. Điều này đe dọa đến tình hình an ninh, sự ổn định của các nước trong khu vực. Nhưng nghiêm trọng hơn nó có thể dẫn tới tình trạng mất an ninh của những tuyến đường hàng hải trọng yếu ngang qua các vùng biển khu vực. Và trong trường hợp một số vùng biển quốc tế bị một quốc gia kiểm soát, khống chế thì sự tự do lưu thông trên biển sẽ bị ảnh hưởng. Là một quốc gia phụ thuộc nhiều vào biển, lợi ích nước Mỹ thu được nhờ sự tự do lưu thông hàng hóa và tự do đi lại các tàu quân sự ở các vùng biển khu vực là không nhỏ. Bởi vậy, đảm bảo an ninh hàng hải và sự tự do đi lại trên biển là một nhiệm vụ ưu tiên mà Mỹ phải giải quyết trong bối cảnh khu vực hiện nay.

Một thực tế thúc đẩy nước Mỹ tập trung hơn vào Châu Á – Thái Bình Dương là hiện nay những tranh chấp biển đảo xảy ra trong khu vực gần như đều có sự liên quan của Trung Quốc. Nhiều nước bao gồm cả những đồng minh của Mỹ như Nhật, Phillipine, cáo buộc Trung Quốc lấn ất và vi phạm chủ quyền của họ nhưng lại không đủ sức chống lại. Và Mỹ được tìm đến như là quốc gia có thể giúp họ đối trọng, kiềm chế sự bành trướng của Trung Quốc. Đó là cơ hội mà Mỹ không thể bỏ qua để có thể thể hiện những cam kết đã ký với đồng minh,[7] can dự sâu hơn vào khu vực, qua đó tạo dựng một cấu trúc an ninh mới mở rộng tầm ảnh hưởng và kiềm chế các đối thủ cạnh tranh.

Vấn đề hạt nhân Triều Tiên cũng sẽ tiếp tục "làm đau đầu" các nhà làm chính sách Mỹ. Nước Mỹ đứng trước tình thế lưỡng nan trong phương thức giải quyết vấn đề này. Việc để một nước "thù địch" phát triển vũ khí hạt nhân đe dọa trực tiếp tới an ninh của các đồng minh Hàn Quốc, Nhật Bản – những quốc gia mà Mỹ cam kết bảo đảm an ninh. Đồng thời mối đe dọa đối với an ninh nước Mỹ xuất phát từ Triều Tiên cũng không thể loại trừ. Nước Mỹ có thể ít bị đe dọa bởi

[7] Mỹ đã ký các hiệp ước an ninh với các đồng minh: Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Thái Lan, Philippin.

khả năng tấn công trực tiếp từ Triều Tiên vào lãnh thổ Mỹ nhưng việc nước này thực hiện các giao dịch liên quan đến công nghệ tên lửa đạn đạo và hạt nhân có khả năng dẫn tới những công nghệ này rơi vào tay những kẻ khủng bố, tạo ra mối hiểm họa thực sự đối với Mỹ. Mối đe dọa sẽ càng lớn nếu vấn đề đó không được giải quyết nhanh chóng. Tuy nhiên, nước Mỹ cũng cần sử dụng lá bài "hạt nhân Triều Tiên" để có thể duy trì và mở rộng sự hiện diện quân sự của mình tại khu vực. Mối đe dọa từ chương trình hạt nhân của Triều Tiên là cái cớ tốt nhất để Mỹ duy trì sự hiện diện quân ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Thực tế cho thấy, mỗi lần Triều Tiên thử hạt nhân hay tên lửa đạn đạo, mối quan ngại của các đồng minh Nhật Bản, Hàn Quốc lại tăng lên. Khi ấy, nước Mỹ lại cùng các đồng minh tiến hành các động thái đẩy mạnh hợp tác quân sự, tổ chức tập trận, hoàn thiện hệ thống tên lửa. Rõ ràng, mục tiêu của nước Mỹ khi đóng quân ở Nhật Bản và Hàn Quốc và thúc đẩy các hoạt động hợp tác quân sự với hai nước này không hoàn toàn là với mục đích bảo vệ đồng minh và chính họ trước mối đe dọa từ Triều Tiên. Hơn nữa, Triều Tiên cũng không phải là mối nguy cơ nhất mà Mỹ phải quan tâm đối phó trong khu vực. Mục tiêu chiến lược quan trọng hơn mà Mỹ muốn tới là Trung Quốc, quốc gia đang có sự cạnh tranh ảnh hưởng mạnh mẽ với Mỹ. Một khi CHDCND Triều Tiên phi hạt nhân hóa, tình hình bán đảo Triều Tiên không căng thẳng, hoặc đi đến thống nhất (kể cả trường hợp Bắc Triều Tiên chấp nhận sát nhập vào Hàn Quốc như mô hình sát nhập nước Đức trước đây) thì sự giải thích cho sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Hàn Quốc thậm chí là cả Nhật Bản sẽ trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Điều này lý giải vì sao dù muốn phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên, nhưng nước Mỹ không chấp nhận ký một hiệp ước hòa bình8 theo như đề nghị của Triều Tiên năm để đổi lấy việc nước này dừng chương trình hạt nhân.

[8] Tháng 1, 2010, Triều Tiên đã kêu gọi Mỹ ký kết một hiệp ước hòa bình chính thức và coi đây là lộ trình dẫn tới hòa bình và quá trình phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên. Lời kếu gọi này sau đó được Triều Tiên lặp lại nhiều lần nhưng Mỹ chối từ và yêu cầu Triều Tiên không đặt ra điều kiện tiên quyết cho tiến trình phi hạt nhân hóa.

Nước Mỹ đang mắc kẹt trong việc tìm giải pháp để có thể phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên mà vẫn có thể duy trì thế trận ở khu vực Đông Á. Những nỗ lực của Mỹ trong việc giải quyết vấn đề Triều Tiên trong quá khứ đã thất bại. Và đây thực sự là thách thức đối ngoại mà chính quyền Obama phải tiếp tục tập trung giải quyết.

Ngoài ra, những thách thức và nguy cơ an ninh phi truyền thống như cướp biển, khủng bố, chiến tranh mạng, chiến tranh không gian, biến đổi khí hậu đang gia tăng tại khu vực khiến Mỹ cũng không thể phớt lờ.

Như vậy, xét một cách tổng thể, trên cả ba lĩnh vực trọng yếu chính trị, kinh tế, an ninh, khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng trở nên quan trọng đối với nước Mỹ. Chính khu vực này mà không phải bất kì nơi nào khác sẽ quyết định vị thế tương lai nước Mỹ. Và chắc chắn rằng, việc duy trì và mở rộng hơn nữa ảnh hưởng của nước Mỹ ra thế giới so với vị thế hiện tại là điều mà chính quyền và toàn thể người dân nước này luôn hướng tới.

2.3 Sự trỗi dậy của Trung Quốc, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ tại khu vực

Năm 1905, vị tổng thống thứ 26 của nước Mỹ Theodore Roosevelt đã tiên đoán rằng: "Lịch sử tương lai của chúng ta (Hoa Kì) sẽ được quyết định bởi vị trí của chúng ta ở Thái Bình Dương đối mặt với Trung Quốc hơn là vị trí của chúng ta ở Đại Tây Dương trực diện với châu Âu".[9] Và quả thực, lịch sử nước Mỹ đang chứng kiến những điều mà được dự đoán cách đây cả thế kỉ ấy. Nếu như quan hệ song phương giữa Mỹ - Liên Xô chi phối thế giới suốt thời kì trước và trong Chiến tranh lạnh thì hiện tại mối quan hệ Mỹ - Trung mang yếu tố quyết định tới tình hình kinh tế, chính trị, an ninh toàn cầu.

---

http://www.guardian.co.uk/world/2010/jan/11/north-korea-peace-treaty-us-nuclear-talks. Truy cập ngày: 15/3/2013

[9] Nguyên văn tiếng Anh: "Our future history will be more determined by our position on the Pacific facing China than by our position on the Atlantic facing Europe", Yak Yeow Kueh, Brian Bridges , The Political Economy of Sino-American Relations: A Greater China Perspective, Hong Kong University Press, 1997, p245.

Tầm quan trọng của mối quan hệ Mỹ - Trung đối với thế giới được nâng lên bởi vị thế gia tăng nhanh chóng của nước Trung Quốc ngày nay so với thời điểm họ bắt đầu cải cách mở cửa năm 1978. Trung Quốc đã từng là quốc gia mạnh bậc nhất thế giới, là trung tâm của Phương Đông thời kì phong kiến cực thịnh. Tuy nhiên, họ đã đánh mất vị thế của mình khi mà chế độ phong kiến thoái trào, trở nên lạc hậu và có sự xâm nhập của Phương Tây. Nhưng hiện nay, thế giới đang chứng kiến sự trỗi dậy đầy mạnh mẽ của Trung Quốc cả về kinh tế, chính trị và quân sự.[10] Xét bối cảnh toàn cầu hóa, các quốc gia ngày càng trở phụ thuộc lẫn nhau. Nước Mỹ được hưởng lợi từ sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức mà sự phát triển ấy mang lại. Trong đó, các thách thức ngày càng lớn khiến nước Mỹ không khỏi lo lắng về khả năng duy trì lãnh đạo thế giới của mình.

Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế là nhân tố cơ bản thúc đẩy sự nổi lên của Trung Quốc như một đại cường quốc. Theo số liệu mà Cục thống kê quốc gia Trung Quốc công bố, giai đoạn từ năm 1989 tới năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm của Trung Quốc trung bình đạt 9.23% (Xem biểu đồ 1). Sự tăng trưởng cao và liên tục đã đưa nước này vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn số hai thế giới (xét về GDP) năm 2010 và rất có thể sẽ vượt Mỹ trở thành nền kinh tế Mỹ trong tương lai không xa.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm của Trung Quốc giai đoạn 1990 – 2012 (đơn vị: %)

[10] Trung Quốc đã sử dụng thuật ngữ "trỗi dậy hòa bình" sau đó được đổi thành "phát triển hòa bình" để miêu tả đường hướng nước này đang theo đuổi.



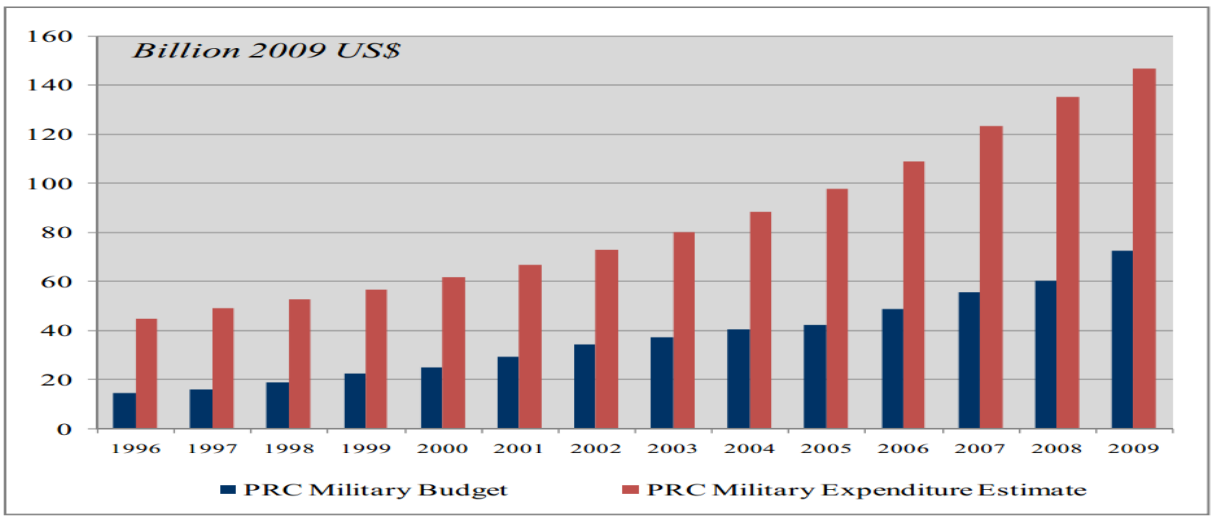
(Nguồn: http://www.tradingeconomics.com/china/gdp-growth-annual)

Sự phát triển về kinh tế kết hợp cùng với những tiến bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho phép Trung Quốc tiến hành những hoạt động hiện đại hóa quân đội một cách toàn diện. Trong thập niên đầu của thế kỉ 21, phạm vi và tốc độ của quá trình hiện đại hóa quân đội Trung Quốc đã được tăng lên nhanh chóng. Theo các số liệu các số liệu thống kê được Trung Quốc công bố, chi tiêu quân sự của nước này giai đoạn 2000 – 2009 hằng năm tăng trung bình 11.8% cao hơn tốc độ tăng trung bình mỗi năm 9.6% của GDP cùng thời kì.[11] Tuy nhiên, vấn đề thiếu minh bạch trong việc công khai ngân sách chi tiêu quân sự của Trung Quốc dẫn đến nhiều nhận định cho rằng ngân sách quốc phòng của Trung Quốc còn tăng nhanh hơn nhiều so với những gì nước này công bố. Một bản báo thường niên của Bộ Quốc phòng Mỹ trước Quốc hội nước này đã ước tính tổng mức chi tiêu thực mà Trung Quốc dành cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực quân sự

[11] Báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng Mỹ tại quốc hội: Sự phát triển của sức mạnh quân sự và an ninh của Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa năm 2010. (http://www.defense.gov/pubs/pdfs/2010_CMPR_Final.pdf)

được Bộ Quốc phòng Mỹ ước tính lên tới hơn 150 tỷ USD trong năm 2009, khác xa với con số chưa đến 80 tỷ USD mà Trung Quốc công bố.[12] (Xem biểu đồ 2)

Biểu đồ 2: Ngân sách quốc phòng (theo công bố) và chi tiêu quân sự thực tế (theo ước tính) của Trung Quốc giai đoạn 1996 -2009 (đơn vị: tỷ USD)



(Nguồn: http://www.defense.gov/pubs/pdfs/2010_CMPR_Final.pdf)

Ngay từ những năm đầu tiên của thế kỉ 21, Trung Quốc chú trọng đến việc mở rộng vai trò của Quân đội Giải phóng nhân dân Trung Quốc ra bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc. Quân đội nước này đã tích cực tham gia vào một số hoạt động gìn giữ hòa bình quốc tế, ứng cứu thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và chống cướp biển. Mặt khác, họ đẩy mạnh việc mở rộng phạm vi triển khai sức mạnh quân sự trên biển và thi hành chiến lược chống tiếp cận và chống thâm nhập để đẩy các lực lượng hải quân đối thủ ra xa khỏi vùng biển Tây Thái Bình Dương tiến tới kiểm soát các vùng biển chiến lược.

Quá trình mở rộng các hoạt động quân sự của họ ra các khu vực biển xa hơn đã được giới chức lãnh đạo nước này giải thích là một chính sách mang tính phòng

[12] Báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng Mỹ tại quốc hội: Sự phát triển của sức mạnh quân sự và an ninh của Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa năm 2010. (http://www.defense.gov/pubs/pdfs/2010_CMPR_Final.pdf)

thủ quốc gia và phù hợp với chính sách phát triển hòa bình của Trung Quốc, không nhằm đe dọa quốc gia nào. Tuy nhiên, cách thức mà Trung Quốc đang thực hiện nhằm đảm bảo an ninh cho mình không khỏi khiến Mỹ và các nước trong khu vực phải lo ngại.

Những năm gần đây, song song với việc duy trì khả năng răn đe hạt nhân chiến lược, sự cải thiện năng lực tác chiến trong chiến tranh điện tử và tấn công mạng máy tính, Trung Quốc đã đẩy nhanh việc mua và tự nghiên cứu sản xuất số lượng lớn các loại vũ khí có tầm hoạt động rộng hơn như các loại máy bay chiến đấu tối tân, tên lửa đạn đạo tầm trung tiên tiến, tên lửa hành trình, tên lửa liên lục địa và tàu ngầm tấn công loại mới được trang bị vũ khí hiện đại; theo đuổi việc chương trình chế tạo tàu sân bay; phát triển hệ thống phòng không tầm xa, hệ thống truy cập không gian… Các căn cứ quân sự duyên hải được tăng cường đặc biệt là căn cứ tàu ngầm ở đảo Hải Nam cho phép hải quân Trung Quốc tiếp cận trực tiếp các tuyến đường biển quốc tế có ý nghĩa sống còn và triển khai các hoạt động của tàu ngầm tại Biển Đông. Phạm vi hoạt động của hải quân Mỹ - lực lượng đã tạo đóng góp rất lớn vào việc tạo ra ưu thế và duy trì ưu thế vượt trội cho nước Mỹ trong nhiều thập kỉ qua đứng trước nguy cơ bị thu hẹp và không có khả năng kiểm soát vùng biển Tây Thái Bình Dương. Các loại tên lửa tâm trung và tầm xa có độ chính xác cao và có khả năng mang đầu đạn hạt nhân được Trung Quốc đưa vào sử dụng làm cho sức tấn công (cả bằng đầu đạn thường và đầu đạn hạt nhân) của quân đội họ mạnh lên rất nhiều. Và hệ quả là không chỉ gặp khó trong việc duy trì các cam kết bảo vệ đồng minh của mình trong khu vực mà mức độ dễ bị tổn thương của các lực lượng Mỹ đóng quân tại khu vực Thái Bình Dương hay thậm chí là lãnh thổ nằm sâu trong lục địa của nước này cũng tăng lên.[13]

[13] Hiện nay, Trung Quốc sở hữu tên lửa Đông Phong 31A tầm bắn khoảng 11.200 km, có khả năng bắn tới gần như mọi vị trí trên toàn lãnh thổ nước Mỹ.

Trong vấn đề Đài Loan, giới lãnh đạo Trung Quốc luôn coi Đài Loan là một phần lãnh thổ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa do đó, luôn tìm cách ngăn chặn Đài Loan độc lập và hướng tới việc tái thống nhất Đài Loan với Trung Quốc lục địa trong đó việc sử dụng sức mạnh quân sự không được loại trừ. Thực tế thì trong một thời gian dài, quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc không ngừng gia tăng sức ép, tạo thế trận bao vây đối với Đài Loan đồng thời đồng vạch ra các biện pháp để có thể ngăn chặn, trì hoãn và chống lại bất kỳ sự hỗ trợ nào của Mỹ cho hòn đảo trong trường hợp xung đột.[14] Sự cân bằng của các lực lượng quân sự tại eo biển Đài Loan tiếp tục thay đổi theo hướng có lợi cho Trung Quốc lục địa. Điều đó có thể đẩy Mỹ sẽ phải nhượng bộ Trung Quốc trong vấn đề liên quan đến Đài Loan.

Sự lớn mạnh về quân sự Trung Quốc được thúc đẩy từ sự phát triển của kinh tế nhưng ngược lại nó cũng tạo ra nhiều lợi thế trong các hoạt động ngoại giao và cho phép Trung Quốc có nhiều lựa chọn hơn trong việc giải quyết các tranh chấp xung đột theo hướng có lợi hơn cho họ.

Trong quan hệ khu vực và quốc tế, Trung Quốc đã và đang có những điều chỉnh đáng kể. Sự phát triển của các nguồn lực sức mạnh nội tại, nhu cầu về năng lượng và sự suy yếu của nước Mỹ do chiến tranh và khủng hoảng kinh tế khuyến khích Trung Quốc có những động thái mạnh bạo, quả quyết hơn trong việc khẳng định vị thế cũng như mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình. Họ thi hành đường lối đối ngoại cứng rắn hơn trong việc khẳng định và bảo vệ các yêu sách về chủ quyền nhất là chủ quyền biển đảo đối với khu vực biển Đông và Hoa Đông. Thông qua các hoạt động kinh tế (đầu tư, viện trợ, cho vay vốn, xuất khẩu hàng hóa), Trung Quốc từng bước can dự sâu hơn vào các nước khu vực Đông Nam Á, Mỹ Latinh và Châu Phi lôi kéo các nước này vào quỹ đạo ảnh hưởng của Trung Quốc. Ngoài ra, họ còn đẩy mạnh mở rộng ảnh hưởng thông qua ngoại giao văn

[14] Năm 1979, Quốc hội Mỹ thông qua "Đạo luật quan hệ Đài Loan" trong đó quy định về vai trò của Mỹ trong việc hỗ trợ Đài Loan phòng thủ trước các mối đe dọa từ Trung Quốc lục địa.

hóa và giáo dục. Theo các số liệu thống kê, số lượng sinh viên nước ngoài học tập tại Trung Quốc ngày càng tăng lên, hàng trăm viện Khổng tử học và trường dạy Hán ngữ được mở ra ngoài lãnh thổ Trung Quốc.

Như vậy, đánh giá một cách tổng quát, Trung Quốc hiện là quốc gia có dân số đông nhất thế giới, nền kinh tế đứng thứ hai toàn cầu, có một lực lượng quân sự hùng mạnh và các giá trị văn hóa đang được truyền bá rộng khắp. Vượt qua tất cả các quốc gia khác trong tương quan về sức mạnh, Trung Quốc nổi lên là quốc gia có tiềm lực nhất trong việc cạnh tranh vị thế và ảnh hưởng với Mỹ và thách thức lớn nhất đối với trật tự khu vực và thế giới mà hiện Mỹ đang chi phối. Nước Mỹ không thể không lo ngại trước "mối đe dọa Trung Quốc" đang tăng lên. Và do đó, mặc dù không được chính quyền Obama thừa nhận công khai nhưng các quan điểm cho rằng việc việc chọn Châu Á –Thái Bình Dương một phần quan trọng là nhằm kiềm chế sức mạnh đang lên của Trung Quốc không phải là không có cơ sở.

CHƯƠNG 3. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ TẠI CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

3.1 Chiến lược của Mỹ đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương trước thời tổng thống Obama.

Châu Á – Thái Bình Dương luôn được Mỹ xem một trong bốn khu vực chiến lược trong chính sách đối ngoại quốc gia bên cạnh châu Âu, Trung Đông và Mỹ Latinh. Việc đảm bảo quyền tiếp cận kinh tế, quyền tự do đi lại trên biển, không để xuất hiện ở châu Á một quốc gia hoặc liên minh các quốc gia chiếm ưu thế trong khu vực được coi là một trong mục tiêu xuyên suốt không thay đổi trong chiến lược an ninh toàn cầu của Mỹ qua các đời tổng thống kể từ đầu thập niên 1990.

Sau chiến tranh lạnh, các nước đều chuyển hướng chiến lược từ chạy đua vũ trang sang chạy đua kinh tế. Trong bối cảnh này, để giữ vững vị trí lãnh đạo thế giới của mình, Mỹ đã điều chỉnh chính sách kinh tế thành mối quan tâm hàng đầu. Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher đã cho biết an ninh kinh tế được ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của chính quyền B.Clinton và sức mạnh kinh tế quốc gia là một trong ba trụ cột trong chính sách đối ngoại này. Năm 1993, tổng thống Bill Clinton trong Hội nghị cấp cao APEC ở Seattle đã tuyên bố nước Mỹ có những lợi ích kinh tế không thể bỏ qua tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Theo đó, Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ công bố vào tháng 7/1994 đã dựa trên việc mở rộng cộng đồng các nền dân chủ theo kinh tế thị trường, đồng thời răn đe, ngăn chặn các hiểm họa đối với Mỹ và các đồng minh của Mỹ. Trên cơ sở đó, khi tập trung vào các mối đe dọa mới và các cơ hội mới, các mục tiêu chính của Mỹ là: *"Tăng cường an ninh của Mỹ qua việc duy trì tiềm lực phòng thủ mạnh và thúc đẩy các biện pháp an ninh; khuyến khích sự thịnh vượng kinh tế của Mỹ qua việc mở cửa thị trường nước ngoài và thúc đẩy tăng*

trưởng kinh tế toàn cầu; và thúc đẩy dân chủ ở nước ngoài".[15] Điều này đồng nghĩa với việc đảm bảo an ninh quốc gia là mục tiêu chi phối, không chỉ là an ninh chính trị hay quân sự như thời kỳ chiến tranh lạnh mà còn là vấn đề an ninh kinh tế. Khác với những năm 80 khi Mỹ không coi trọng ý tưởng phát triển quan hệ thương mại khu vực, thì sang thập niên 90 Mỹ đã tích cực vận dụng ý tưởng này trên thực tiễn. Sau khi thành lập Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) năm 1992, Mỹ bắt đầu tham gia tích cực vào Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Mục đích của Mỹ trong APEC khá rõ ràng rằng bên cạnh đối đầu thương mại song phương, sự thay đổi chính sách sang tích cực tham gia APEC sẽ giúp Mỹ củng cố vai trò lãnh đạo của mình ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đồng thời qua đó, Mỹ vừa có thể duy trì vai trò của mình trong hợp tác kinh tế khu vực, vừa có thể duy trì sự phụ thuộc của các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương khi các nước này đã nâng cao trình độ phát triển. Tuy nhận được nhiều sự quan tâm hơn từ Mỹ do những phát triển mạnh mẽ về kinh tế nhưng trọng điểm chiến lược số một của Mỹ không phải Châu Á mà vẫn là Châu Âu. Biểu hiện là chính quyền B.Clinton đã ra sức củng cố mối quan hệ với các nước đồng minh Châu Âu, đẩy mạnh việc mở rộng NATO về phía Đông và can dự sâu vào cuộc chiến Kosovo. Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới của Clinton năm 1997 vẫn đặt Châu Âu lên vị trí đầu tiên và nhấn mạnh "sự ổn định ở Châu Âu có ý nghĩa sống còn với an ninh của chính nước Mỹ".[16]

Năm 2001, Tổng thống George W. Bush lên cầm quyền đã đưa ra nhiều chính sách mới phủ nhận nhiều chính sách của chính quyền tiền nhiệm. Nước Mỹ thời kì này lại chú trọng chính sách đối ngoại thiên về vấn đề an ninh hơn là kinh tế. Đối với an ninh tại Châu Á – Thái Bình Dương, nếu như thời chính quyền B.Clinton Mỹ đã luôn đóng vai *"người cân bằng"* giữa các lực lượng trong khu vực; thì chính quyền Bush lại thay đổi trạng thái từ *"người cân bằng"* hướng đến

[15] Bill Clinton (1994), Chiến lược an ninh quốc gia " can dự và mở rộng"
[16] Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ 21, 5/1997

liên kết với các nước đồng minh để cùng cân bằng với phía Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là chính quyền Bush không chỉ từ bỏ chính sách ngoại giao truyền thống của Mỹ ở Châu Á, mà còn muốn tạo ra một thế cân bằng lực lượng mạnh mẽ và có lợi hơn.[17] Ngày 17/1/2001, phát biểu trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell đã đưa ra *"Thuyết về hai nền tảng"* – nền tảng thứ nhất là Châu Âu lấy NATO làm hạt nhân, nền tảng thứ hai là Châu Á lấy đồng minh quân sự Mỹ - Nhật làm hạt nhân. Chính quyền George. W.Bush coi NATO là nền tảng cho hòa bình ở Châu Âu và củng cố cho sự dính líu của Mỹ ở đây. Với Châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ đã thực thi chủ nghĩa hiện thực truyền thống trong chính sách đối ngoại như: nâng cấp quan hệ Mỹ - Nhật lên vị trí số một, lấy đồng minh Mỹ- Nhật làm trung tâm; coi Trung Quốc là đối thủ chiến lược quan trọng, coi eo biển Đài Loan là khu vực tác chiến chủ yếu; hâm nóng quan hệ Mỹ - Ấn; làm dịu quan hệ với Triều Tiên; thúc đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống kiềm chế và bao vây chiến lược; coi quan hệ quân sự song phương và đa phương làm điểm tựa, hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (National Missile Defense - NMD) và vũ khí hạng nặng mới làm lực lượng răn đe.[18] Từ quan hệ đồng minh đến các chiến lược quân sự, tất cả đều nhằm thắt chặt mức độ kiểm soát đối với Châu Á – Thái Bình Dương. Dưới thời Tổng thống Bill Clinton, Vụ châu Âu thuộc Hội đồng An ninh Quốc gia lớn gấp 3 lần Vụ châu Á. Sau đó, Tổng thống George W.Bush đã cân bằng về quy mô Vụ châu Á và châu Âu. Tuy nhiên, không lâu sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ được định hình và đã chi phối mạnh mẽ hướng đi của đất nước, Mỹ lại dồn trọng tâm cả về quy mô và diện vào Vụ chống khủng bố và Irắc/Ápganixtan, khiến vụ này được tăng cường lớn hơn so với hai vụ Á-Âu. Do quá chú trọng đến việc chống khủng bố, nên Mỹ đã coi trọng hình thức tiếp cận song phương hơn là cách tiếp cận đa phương với các nước trong khu vực Châu Á

[17] Nguyễn Nhâm, "Chiến lược can dự trở lại CA-TBD của Mỹ", Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 5-2011, tr.48
[18] Nguyễn Thiết Sơn (2002), "Nước Mỹ năm đầu thế kỷ XXI", NXB Khoa học xã hội

– Thái Bình Dương. Hơn nữa, phạm vi khu vực chiến lược Châu Á – Thái Bình Dương cũng đã nhanh chóng được mở rộng bao gồm cả Nam Á, Trung Á, đến Trung Đông, nhiệm vụ hiện thực nhất, cấp bách nhất là tiến hành chiến tranh chống khủng bố, thực hiện ý đồ chiến lược đưa Trung Á thành khâu quan trọng trong chính sách Châu Á – Thái Bình Dương.[19]

Có thể nói, mặc dù được hình thành từ những năm 90 nhưng cho đến thời Tổng thống Bush, những động hướng chính sách đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn chưa có sự thay đổi lớn. Châu Á - Thái Bình Dương thời kì trước chính quyền Obama không nhận được sự quan tâm đúng mức. Nó không nằm trong ưu tiên đối ngoại của Mỹ, mà thường bị xếp sau các khu vực châu Âu và Trung Đông và Trung Á bởi các lý do về năng lượng và vị trí chiến lược.

3.2 Chiến lược của Mỹ đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương dưới thời tổng thống Obama.

Sau một thời gian theo đuổi và thực hiện chính sách chống khủng bố, khi mà hoạt động của Mỹ tại Iraq và tiếp theo là Afghanistan bị suy giảm, Mỹ lại được rảnh tay để chuyển hướng tập trung trở lại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Kể từ khi lên nắm quyền, Tổng thống Obama đã thiết lập và áp dụng một loạt các chính sách ngoại giao một cách thận trọng và thiết thực hơn so với chính sách ngoại giao của chính chuyền Bush trước đó. Đặc biệt, trong lĩnh vực đối ngoại an ninh-quân sự, Tổng thống Obama đã thực thi những chặng mở đường cho những điều chỉnh trong các chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Á –Thái Bình Dương với tham vọng biến "Thế kỷ Châu Á – Thái Bình Dương " thành "Thế kỷ Mỹ".

Ban đầu là sự hình thành và điều chỉnh rõ ràng về quan niệm. Mỹ tự cho rằng mình là một nhà nước Châu Á, một quốc gia ở Châu Á – Thái Bình Dương rằng

[19] Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế, "Một số điều chỉnh trong chính sách của Mỹ đối với CA-TBD thời kỳ sau chiến tranh lạnh", Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á - tr.26

"Hoa Kỳ là cường quốc Thái Bình Dương và chúng tôi sẽ mãi hiện diện ở đây"[20] và với Tổng thống Obama thì ông đã gọi mình là*"Tổng thống Mỹ đầu tiên hoạt động mạnh ở khu vực Thái Bình Dương"*.[21] Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates tuyên bố rõ ràng rằng: *"Mỹ không phải là một khách mời của Châu Á, mà là một nước cư trú ở Châu Á"*.[22] Ngày 12/01/2010, trong bài phát biểu tại Trung tâm Đông- Tây ở Honolulu, Hawaii, Ngoại trưởng Clinton đã trình bày rõ ràng trọng điểm và nguyên tắc hoạt động của Mỹ ở khu vực CA-TBD, trên thực tế những nguyên tắc và trọng điểm này là nội dung cơ bản của chiến lược an ninh CA-TBD của Mỹ. Bà cho biết *"Tôi muốn nhấn mạnh rằng chúng tôi đã trở lại đây"*, hơn nữa, bà khẳng định: *"tương lai của Mỹ gắn bó chặt chẽ với tương lai của khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, và tương lai của khu vực này phụ thuộc vào Mỹ"*.[23] Tiếp đó, ngày 21/01/2010, tại cuộc điều trần trước Quốc hội, Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách các vấn đề Châu Á – Thái Bình Dương, Kurt M.Cambell nói rằng: *"Nhân dịp thế kỷ của Châu Á - Thái Bình Dương đang đến, trong môi trường quốc tế mới, Mỹ cần phải tăng cường và làm sâu sắc hơn nữa vai trò lãnh đạo và sự tham gia chiến lược của mình ở khu vực này"*[24].Việc thường xuyên nhắc đến cụm từ *"Châu Á-Thái Bình Dương"* và ví mình như một *"quốc gia Thái Bình Dương"* của giới lãnh đạo Mỹ chẳng khác gì chiêu bài *"thấy người sang, bắt quàng làm họ"*. Nói cách khác, đây là minh chứng rõ ràng nhất để tạo ấn tượng rằng quá trình chuyển đổi vai diễn của Mỹ đến Châu Á – Thái Bình Dương là tự nhiên và hết sức bình thường.Không còn nghi ngờ gì nữa, Mỹ đã chính thức đánh dấu bước ngoặt đến Châu Á – Thái Bình Dương, không chỉ với mục đích như một vị khách du lịch đến để chiêm ngưỡng và khám phá vùng đất mới, mà còn là

[20] Bài phát biểu trước Quốc hội Australia ở Canberra của Tổng thống Obama
[21] "Chiến lược cho Nga ở khu vực Thái Bình Dương?",http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-chau-au/2665-chin-lc-cho-nga--khu-vc-thai-binh-dng, [18/03/2013].
[22] "Chiến lược an ninh CA-TBD của Chính quyền Obama",http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/1140-chien-luoc-an-ninh-chau-a-thai-binh-duong-cua-chinh-quyen-obama, [18/03/2013].
[23] "Bà Clinton công bố chính sách của Mỹ đối với CA-TBD",http://www.baomoi.com/Ba-Clinton-cong-bo-chinh-sach-cua-My-doi-voi-chau-ATBD/119/3740305.epi, [18/03/2013].
[24] "Chiến lược an ninh CA-TBD của Chính quyền Obama",http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/1140-chien-luoc-an-ninh-chau-a-thai-binh-duong-cua-chinh-quyen-obama, [18/03/2013].

một chiến lược lâu dài nhằm biến mình thành một thành viên nằm trong khu vực. Để thực hiện mục tiêu ấy, Mỹ đã bước từng bước đi từ việc lý thuyết hóa tư tưởng bằng các chính sách cho đến việc thực tiễn hóa chúng trong những hành động cụ thể đối với Châu Á – Thái Bình Dương. Chính quyền của Tổng thống Obama đã điều chỉnh và triển khai các chính sách đối ngoại mới theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, vận dụng tích cực sức mạnh tập thể nhằm tạo ra một mạng lưới các quan hệ đối tác với sự lãnh đạo của Mỹ. Những điều chỉnh này dần trở nên rõ ràng hơn khi ngày 5/1/2012, Tổng thống Mỹ Barack Obama công bố chiến lược quốc phòng mới của Mỹ *"Sustaining U.S.Global leadership: Priorities for 21st century defense"*, trong đó chủ trương chuyển trọng tâm chiến lược từ châu Âu - Đại Tây Dương sang Châu Á - Thái Bình Dương. Bản chiến lược nêu rõ: "*Những lợi ích kinh tế và an ninh của Mỹ được gắn chặt với sự phát triển trong vòng cung kéo dài từ Tây Thái Bình Dương và Đông Á sang khu vực Ấn Độ Dương và Nam Á, tạo ra một sự kết hợp những thách thức và cơ hội đang gia tăng. Vì vậy, trong khi quân đội Mỹ sẽ tiếp tục đóng góp cho an ninh toàn cầu, chúng ta sẽ nhất thiết cân bằng lại đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các mối quan hệ của chúng ta với các đồng minh châu Á và các đối tác then chốt là mang tính quyết định đối với sự ổn định và tăng trưởng trong tương lai của khu vực. Chúng ta sẽ chú trọng tới những liên minh hiện tại của chúng ta, các liên minh tạo nền tảng mang tính sống còn đối với an ninh của Châu Á - Thái Bình Dương. Chúng ta cũng sẽ mở rộng các mạng lưới hợp tác của chúng ta với các đối tác đang nổi lên trên khắp Châu Á - Thái Bình Dương để đảm bảo khả năng tập thể và khả năng đảm bảo những lợi ích chung."*[25] Như vậy, chính sách của Mỹ không chỉ dừng lại ở việc chú trọng những lợi ích kinh tế như thời Tổng thống B.Clinton mà còn quan tâm đặc biệt đến vấn đề an ninh - quân sự; Tổng thống Obama không chỉ ngoại giao song phương giống Tổng thống G.Bush mà còn mở rộng

[25] "Sustaining U.S.Global leadership: Priorities for 21st century defense", U.S. Department of Defense.

ngoại giao đa phương, sử dụng sức mạnh mềm để can thiệp vào Châu Á – Thái Bình Dương.

Xét trên khía cạnh phạm vi, sự điều chỉnh và triển khai chiến lược của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama đã bao trùm nhiều phương diện cả quân sự và phi quân sự.

3.2.1. Lĩnh vực ngoại giao

3.2.1.1. Đẩy mạnh mạng lưới quan hệ song phương

Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất trong sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ. Mạng lưới quan hệ song phương là nền tảng cho chuyển hướng chiến lược khu vực của Mỹ và được phân ra thành ba lớp: các đồng minh hiệp ước (gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Phi-lip-pin và Thái Lan) là hạt nhân điểm tựa; các đối tác quan trọng (chủ yếu là các cường quốc mới nổi gồm Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a); các đối tác ưu tiên khác (trong đó có Việt Nam, Sing-ga-po…)

Đối với khối đồng minh hiệp ước, các quan chức Mỹ thôngqua các chuyến thăm và những tuyên bố nhằm khẳng định tầm quan trọng trong mối quan hệ với các nước đồng minh truyền thống này.Mỹ hướng đến 3 nguyên tắc: (1) Duy trì đồng thuận về chính trị đối với những giá trị cốt lõi; (2) Bảo đảm quan hệ linh hoạt và thích nghi để ứng phó thành công với những thách thức và cơ hội mới; (3) Bảo đảm khả năng phòng thủ và hạ tầng thông tin để có thể ngăn chặn, răn đe bất cứ hành động khiêu khích nào của các nhà nước và thực thể phi nhà nước.[26]

Trong các liên minh, liên minh Mỹ-Nhật luôn được coi là nền móng cho sự can dự của Mỹ ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Mỹ luôn coi trọng mối quan

[26] Nguyễn Nhâm,"Vì sao Mỹ coi Châu Á là trọng tâm chiến lược", http://vov.vn/The-gioi/Quan-sat/Vi-sao-My-coi-chau-A-la-trong-tam-chien-luoc/192108.vov, [18/03/2013].

hệ đồng minh này, đồng thời khẳng định vai trò như một sự đảm bảo an ninh thiết yếu trong quan hệ hai nước. Mỹ cam kết sẽ tiếp tục bảo vệ Nhật Bản và giải quyết các vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên một cách tổng thể, ủng hộ Nhật Bản là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp trong đàm phán sáu bên, hợp tác giải quyết các vấn đề khủng hoảng kinh tế, năng lượng sạch, an ninh, biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu khác.[27] Trong bài viết *"Kỷ nguyên Châu Á- Thái Bình Dương của Mỹ"* trên Tạp chí Chính sách Đối ngoại vào tháng 11 năm 2011, ngoại trưởng Hillary Clinton đã xác định việc liên minh với Nhật Bản đã tạo nền tảng cho hòa bình và ổn định trong khu vực và là minh chứng cho những nguyên tắc chiến lược của Chính quyền Obama. Mỹ - Nhật cùng chia sẻ tầm nhìn chung về một trật tự khu vực với những đường lối rõ ràng - từ sự tự do hàng hải đến việc mở cửa thị trường và cạnh tranh lành mạnh.

Tiếp theo chuyến công du của ngoại trưởng Hillary Clinton đến Nhật Bản ngày 16/02/2009, tổng thống Obama đã có chuyến thăm chính thức tới Nhật Bản từ ngày 13/11 đến ngày 15/11/ 2009. Trong cuộc hội đàm với thủ tướng nước chủ nhà Yukio Hatoyama, hai nhà lãnh đạo đã nhất trí: cam kết phát triển và làm sâu sắc thêm quan hệ đồng minh Mỹ - Nhật; khẳng định quan hệ giữa hai nước là nền tảng đảm bảo hòa bình và ổn định khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; khẳng định nhanh chóng thống nhất về vấn đề di chuyển căn cứ không quân Futenma. Trên thực tế, trong số các liên minh song phương, thì liên minh Mỹ- Nhật đóng vai trò quan trọng nhất và được coi là hòn đá tảng cho chiến lược an ninh và các mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ ở Châu Á – Thái Bình Dương.

Bên cạnh khối đồng minh hiệp ước, mối quan hệ với các nước đối tác trong khu vực cũng được Mỹ thúc đẩy mạnh mẽ. Mỹ đã đạt được sự đồng thuận trong xây

[27] PGS.TSKH Trần Nguyễn Tuyên, Th.s Nguyễn Kỳ Sơn, "Điều chỉnh chính sách đối ngoại của chính quyền Obama hiện nay", Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 06-2010.

dựng quan hệ đối tác Mỹ - Trung, Mỹ - Ấn và các nước nước trong khu vực Đông Nam Á như Indonesia, Việt Nam. Đến đầu năm 2012, Mỹ tuyên bố sẽ trao đổi đại sứ và nối lại quan hệ ngoại giao đầy đủ với Myanmar, quốc gia luôn bị Mỹ cấm vận trong một thời gian dài trước đây.

3.2.1.2. Tích cực tham gia vào hoạt động hợp tác đa phương trong khu vực.

Để tăng cường sự hiện diện có tính "thể chế", Chính quyền Obama đã kiên quyết tham gia vào rất nhiều chương trình nghị sự ở Châu Á-Thái Bình Dương. Với một lý do hết sức đơn giản, Mỹ tin rằng cấu trúc khu vực sẽ tăng cường cơ chế pháp quyền, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm tự do hàng hải vốn là những trụ cột của trật tự quốc tế. Do đó, Mỹ đã tiến hành can dự đầy đủ các thể chế khu vực, trong đó có các thể chế ASEAN, APEC và đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng chương trình nghị sự. Mỹ cũng đã mở cơ quan đại diện bên cạnh ASEAN tại Jarkarta. Tổng thống Obama cũng đã chủ trì Hội nghị thượng đỉnh APEC năm 2011 với cam kết củng cố APEC như là cơ chế hợp tác kinh tế quan trọng nhất tại Châu Á - Thái Bình Dương. Mỹ cũng nỗ lực sáng tạo và khởi động một số diễn đàn "tiểu đa phương" (minilateral) như Sáng kiến hạ nguồn Mê công (Lower Mekong Initiative - LMI) và Diễn đàn các quốc đảo Thái Bình Dương.[28]

Với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Mỹ đã chủ động tăng cường quan hệ, tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao trong khu vực. Để khẳng định hơn nữa quyết tâm trở lại và mong muốn đóng vai trò lớn hơn với Đông Nam Á, tháng 7/ 2009, Mỹ đã ký Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác với ASEAN. Hơn nữa, chuyến thăm Châu Á và việc tham dự Diễn Đàn khu vực ASEAN của Ngoại trưởng Mỹ đã chính thức khép lại mối quan hệ mang tính chất nóng lạnh

[28] Hương Giang, "Chiến lược của Mỹ đối với Châu Á- Thái Bình Dương", <http://biendong.net/binh-luan/515-chin-lc-ca-m-i-vi-khu-vc-chau-a-thai-binh-dng.html>, [18/03/2013].

giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á. Từ đây, Mỹ và ASEAN đã nhận ra sự cần thiết phải thực hiện các nỗ lực liên minh và hợp tác đa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề bất ổn trong khu vực có liên quan.

3.2.1.3. Thúc đẩy dân chủ và nhân quyền

Trong lịch sử các chính quyền Mỹ đều coi việc truyền bá quan niệm giá trị và dân chủ là nhiệm vụ của mình, chính quyền Obama cũng không phải là ngoại lệ. Tổng thống Obama đã dùng việc tuyên truyền quan niệm giá trị nhân quyền và dân chủ của Mỹ làm công cụ dư luận để thực hiện chiến lược an ninh CA-TBD. Khi tăng cường hợp tác và tiếp xúc toàn diện với các chính quyền ở Châu Á, chính quyền Obama luôn lấy "tự do", "dân chủ" làm lý do để kiềm chế các nước liên quan. Hơn nữa, Mỹ còn tiếp tục thúc giục các nước tiến hành cải cách nhằm tăng cường quản trị, bảo vệ nhân quyền và tăng cường tự do chính trị.

Trong chuyến công du đến Châu Á tháng 07/2012 của mình, Ngoại trưởng Hillary Clinton với mục đích quan trọng nhằm thuyết phục các đồng minh trong khu vực rằng "trục Châu Á" của Hoa Kỳ chính là để thúc đẩy nhân quyền và dân chủ chứ không phải là kiềm hãm sự trỗi dậy của Trung Quốc. Bà Clinton cũng thừa nhận rằng quân đội Hoa Kỳ tiếp cận với các đối tác khác trong khu vực với sự lo lắng về tham vọng thống trị của Trung Quốc đã trở thành một tiêu đề chính kể từ khi chính quyền Obama công bố chiến lược năm 2011.

Với Myanmar, Mỹ quyết tâm yêu cầu giải trình về vi phạm nhân quyền. Mỹ không thể và không muốn áp đặt hệ thống của Mỹ lên các nước khác, song tin rằng có những giá trị nhất định mang tính phổ biến mà các nước cần tôn trọng.

Với Việt Nam, cùng với các hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tài chính, Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng chiêu bài "dân chủ, nhân quyền, tôn giáo" để gây sức ép.Trong buổi họp báo ngày 03/02/2010 tại Ha Nội, Đại sứ Mỹ tại Việt

Nam, ông Michael W.Michalak đã tiếp tục phản đối việc Việt Nam xét xử các nhân vật vi phạm pháp luật mà họ gọi là những người bất đồng chính kiến. Tuy nhiên, ông cũng khẳng định: *"Về nhân quyền, tôi nhận thấy đã có nhiều tiến bộ tích cực cũng như còn điểm tiêu cực. ... Tuy nhiên điều khiến tôi vui mừng là trong ít nhất 3,4 lần gặp gỡ với Chủ tịch Nguyễn Minh Triết, chúng tôi đã thảo luận về nhân quyền. Tôi tự hào là dù chúng tôi đã nói chuyện thẳng thắn nhưng cuối cùng chúng tôi vẫn là bạn của nhau. Thông qua đối thoại, chúng ta thấy các vấn đề trước đây cho là nhạy cảm nay không còn là nhạy cảm nữa, chúng ta đã thu hẹp khoảng cách và tiến tới gần nhau hơn."*[29]

Tóm lại, song song với việc sử dụng sức mạnh cứng như tiềm lực kinh tế, quân sự,…Mỹ còn coi con bài dân chủ- nhân quyền như một công cụ để thực thi sức mạnh mềm nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược.

3.2.1. Lĩnh vực kinh tế

Cùng với một vị trí địa chính trị đặc biệt, CA-TBD được coi là khu vực kinh tế phát triển năng động vào bậc nhất thế giới. Khu vực này đã đóng góp cho nền kinh tế thế giới các cường quốc kinh tế hàng đầu như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,.. Hơn nữa, trong bối cảnh thừa hưởng di sản nặng nề của chính quyền tiền nhiệm với cuộc đại khủng hoảng kinh tế- tài chính (năm 2008) vẫn diễn ra hết sức phức tạpvà chưa có hồi kết, thì lợi ích kinh tế là động lực chính của sự chuyển hướng chiến lược, là khâu đột phá để Mỹ củng cố vai trò lãnh đạo. Chính bởi những lợi ích không thể bỏ qua ở khu vực này, Mỹ đã không ngừng tăng cường các quan hệ hợp tác kinh tế trong khu vực. Mỹ tiếp tục mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư, hình thành sự kết nối sâu rộng hơn với các nền kinh tế

[29] Thanh Mai, "Đại sứ Mỹ tại Việt Nam: Chúng ta đã làm sâu sắc thêm lòng tin",<http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2011/01/3ba2517f/>, [18/03/2013].

châu Á – Thái Bình Dương nhằm thúc đẩy kinh tế Mỹ tăng trưởng, đưa hàng hóa Mỹ thâm nhập sâu hơn vào thị trường khu vực và giải quyết vấn đề việc làm.

Trong khi Liên minh Mỹ - Nhật luôn được coi là cột trụ trong chiến lược của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thì quan hệ Mỹ - Hàn Quốc tạo ra nhiều lợi ích kinh tế.Mỹ hướng tới các hiệp định thương mại mới với Hàn Quốc (giảm 95% thuế đối với xuất khẩu của Mỹ và giúp tạo ra 70 nghìn việc làm, giúp tăng 10 tỷ USD xuất khẩu hàng năm của nước này). Với gần 600 triệu dân và GDP đạt 1.100 tỉ USD, Đông Nam Á là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Mỹ và là đối tác thương mại lớn thứ 5 của nước này. Năm 2011, giao dịch thương mại hai chiều giữa Mỹ và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)đã đạt trên 186 tỉ USD. Đồng thời, Mỹ cũng đang là nước đầu tư lớn thứ 3 ở ASEAN, với tổng vốn đầu tư đạt 8,5 tỉ USD năm 2010. Mỹ nhấn mạnh sẽ tăng cường hợp tác với khối ASEAN để triển khai hiệu quả các dự án và hoạt động trong kế hoạch Hành động giai đoạn 2011 – 2015.[30]

Cấu trúc khu vực Châu Á-Thái Bình Dương đang được định hình trên hai trụ cột chính là Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS)[31] - trụ cột chính trị- an ninh, và Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)[32] - trụ cột kinh tế. Trong tổng thể chiến lược khu vực của Chính quyền Obama, có thể nói APEC tiếp tục là cầu nối quan trọng gắn kết lợi ích kinh tế Mỹ với kinh tế khu vực. Thể hiện cam kết mạnh mẽ *"quay trở lại CA-TBD"* của mình, năm 2011 khi Mỹ làm chủ nhà APEC, đây được xem là "cơ hội vàng" để chính quyền Obama tiến hành những bước đột phá tiếp theo trong "lộ trình" quay trở lại khu vực từ chính trị

[30] Hoàng Sơn,"Khai phá tiềm năng", <http://www.anninhthudo.vn/Quoc-te/Khai-pha-tiem-nang/490051.antd>, [18/03/2013].
[31] Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) là một diễn đàn gồm các quốc gia ở Châu Á được lãnh đạo của 16 quốc gia Đông Á và khu vực lân cận tổ chức mà khối ASEAN là trung tâm.
[32] Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương là một diễn đàn kinh tế mở thúc đẩy tự do hóa thương mại và liên kết khu vực , tăng cường hợp tác đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống ở khu vực CA-TBD.

đến an ninh kinh tế, từ song phương đến đa phương.[33] Tại APEC-2011, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Hillary Clinton đã tuyên bố: *"Mỹ sẽ trở lại châu Á không phải để khôi phục lại vị thế của mình mà là để tiếp tục thực hiện vai trò lãnh đạo và dẫn đầu trong khu vực"*.Nhằm tìm kiếm những nỗ lực chung để phục hồi nền kinh tế, trong cuộc họp cấp cao các Bộ trưởng Tài chính APEC lần thứ 19, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Timothy Geithner và các Bộ trưởng Tài chính của các nền kinh tế thành viên APEC đã ra một bản tuyên bố chung cam kết có những hoạt động phối hợp để đẩy mạnh sự phục hồi kinh tế toàn cầu, củng cố lại tính ổn định của ngành tài chính và duy trì các thị trường mở, bên cạnh đó xây dựng một nền móng vững chắc để đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ, bền vững và cân bằng.Tiếp đó, tại APEC-2012,trong bài phát biểu của mình, bà Hillary Clinton đã nhấn mạnh:*"Sự tăng trưởng các nền kinh tế của chúng ta đang ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, vì thế tôi cho rằng, phần lớn lịch sử của thế kỷ 21 sẽ được viết nên tại châu Á. Sau một thời kỳ Mỹ tập trung sự chú ý vào các khu vực và các cuộc xung đột khác trên thế giới, giờ đây, chúng tôi đang tăng cường các khoản đầu tư vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Chúng tôi tìm kiếm sự hợp tác với các quốc gia khác để xây dựng một trật tự khu vực công bằng và ổn định đem lại lợi ích cho tất cả các bên"*. Như vậy, quan điểm chiến lược kinh tế của Mỹ ở Châu Á- Thái Bình Dương đã rõ ràng, Mỹ ngày càng chủ động và tích cực hơn trong các mối quan hệ kinh tế tài chính ở khu vực này.

Không chỉ vậy, Mỹ đã tích cực vận động cho việc ký kết Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) hướng tới *"khu mậu dịch tự do Châu Á - Thái Bình Dương"* do Mỹ chủ đạo. Đồng thời, Mỹ sẽ sử dụng TPP làm công cụ chủ yếu để giảm bớt rào cản thương mại và đầu tư, thúc đẩy tương tác kinh tế lẫn nhau tại khu vực này.Với Mỹ, TPP vừa mang ý nghĩa kinh tế, vừa

[33] TS. Vũ Lê thái Hoàng (2012), "Sức mạnh thông minh, thế kỷ Thái Bình Dương và học thuyết đối ngoại Obama", Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế số 1 (88),tr.242

mang tầm quan trọng chiến lược. Một khi tất cả các nền kinh tế APEC tham gia TPP thì sẽ là khởi đầu cho nền tảng của mậu dịch tự do toàn khu vực.

3.2.3. Lĩnh vực quân sự

Vai trò của Mỹ tại Châu Á-Thái Bình Dương là vai trò của một cường quốc có khả năng cân bằng lực lượng trong khu vực. Mỹ có thể và phải giúp các quốc gia Châu Á-Thái Bình Dương tránh một cuộc cạnh tranh quyền lực bằng cách làm trung gian hòa giải các xung đột và xóa bỏ những bất cân bằng lực lượng giữa các nước có tiềm năng trở thành địch thủ của nhau. Bên cạnh đó, Mỹ cũng phải

nhìn nhận một thực tế rằng một khi tình hình khu vực ổn định, Châu Á-Thái Bình Dương sẽ không thể bị áp đặt bởi một cường quốc phi Châu Á. Hơn nữa, Mỹ lại càng không thể trực tiếp sử dụng sức mạnh quân sự của mình tại đó. Nắm được quy luật này, Tổng thống Obama đã vận dụng sức mạnh thông minh (Smart Power[34]) trong việc triển khai các căn cứ quân sự - sức mạnh cứng để can dự vào Châu Á-Thái Bình Dương một cách mềm dẻo, linh hoạt và khéo léo.

Thứ nhất, Mỹ tăng cường tập trận với các quốc gia trong khu vực.

Châu Á-Thái Bình Dương luôn nóng lên bởi các cuộc tập trận hải quân. Trong đó, Hổ mang vàng (Cobra Gold) là cuộc tập trận thường niên lớn nhất do Thái Lan và Mỹ chủ trì cùng với sự tham gia của Indonesia, Singapore, Malaisia, Nhật Bản, Hàn Quốc. Ngày 7/2/2012, cuộc tập trận "Hổ mang vàng" đã bắt đầu với quy mô lớn nhất từ trước tới nay, kéo dài 10 ngày và thu hút sự tham gia của số lượng khổng lồ lên tới 13.180 binh lính. Nội dung của cuộc tập trận này bao gồm bắn đạt thật, sơ tán thường dân, diễn tập hậu chỉ huy, các hoạt động hỗ trợ nhân đạo và dân sự, đặc biệt là các hoạt động liên quan tới công tác khắc phục trận lũ

[34] "Sức mạnh thông minh là sự phát triển một chiến lược thống nhất, một cơ sở nguồn lực và một bộ công cụ để đạt được mục tiêu chính sách dựa trên cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm" - Richard Armitage và Joseph Nye,"A smarter, more secure American", CSIS Commission on Smart Power, CSIS 2007, <http://www.csis.org/files/media/csis/pubs/071106_csissmartpowerreport.pdf>, [18/03/2013].

lịch sử tại Thái Lan.[35] Với Mỹ, cuộc tập trận "Hổ mang vàng" được coi như là một biểu tượng quan trọng cho sự cam kết của quân đội Mỹ về việc duy trì hòa bình và an ninh ở khu vực Châu Á.

Tiếp đó, từ ngày 16-27/4, 4.500 quân Mỹ và 2.300 binh sĩ Philippines đã bắt đầu cuộc tập trận chung thường niên mang tên "The Balikatan" (Kề vai sát cánh).[36] Mục đích của cuộc tập trận này là tạo dựng một mối quan hệ đối tác quân sự chiến lược bền chặt hơn giữa quân đội hai nước.

Dẫn đầu bởi tàu sân bay hạt nhân George USS Washington, ngày 21-22/06/2012, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đã tiến hành một cuộc tập trận hải quân ở vùng biển phía nam của bán đảo Triều Tiên. Mục đích của hoạt động diễn tập quân sự của Hải quân 3 nước là "nâng cao khả năng hiệp đồng tác chiến và thông tin liên lạc giữa Hải quân Mỹ, Lực lượng phòng vệ bờ biển Nhật Bản và Hải quân Hàn Quốc",đồng thời cải thiện sự phối hợp trong hoạt động giảm nhẹ thiên tai và các hoạt động hợp tác an ninh hàng hải trong tương lai.[37] Ngay sau khi tập trận ba bên kết thúc, từ ngày 23-25/06/2012, tàu US George Washington đã tiến hành một cuộc tập trận song phương thường kỳ tại biển Hoàng Hải. Các cuộc tập trận hải quân thường đóng một vai trò rất quan trọng trong tín hiệu ngoại giao. Không ngoại lệ, cuộc tập trận Mỹ - Nhật - Hàn được coi là một phản ứng ngầm với cuộc tập trận hải quân Nga - Trung diễn ra vào ngày 22-26/04 trước đó.

Ngày 2/6/2012, tại Đối thoại Shangri-La lần thứ 11, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Leon Panetta lần đầu tiên công bố chi tiết chiến lược quân sự của quốc gia này tại Châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó đến năm 2020, Mỹ sẽ duy trì khoảng 60% các tàu chiến của Mỹ có mặt tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Mỹ cũng

[35] Kiệt Linh,"Mỹ tăng cường tập trận với các nước Đông Nam Á", <http://vnmedia.vn/VN/quoc-te/tin-tuc/17_318910/my_tang_cuong_tap_tran_voi_cac_nuoc_dong_nam_a.html>, [18/03/2013].
[36] Thu Thủy,"Mỹ, Philippines tập trận chung trên Biển Đông từ 16/4", <http://vov.vn/The-gioi/My-Philippines-se-tap-tran-chung-tren-Bien-Dong-tu-164/206374.vov>, [18/03/2013].
[37] "Mỹ- Nhật- Hàn tập trận cảnh báo Triều Tiên", <http://vov.vn/The-gioi/My-Nhat-Han-tap-tran-canh-bao-Trieu-Tien/214106.vov>, [18/03/2013].

khẳng định lại một loạt các cam kết quân sự tại Châu Á - Thái Bình Dương, gồm hiệp ước với các đồng minh Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Australia và các đối tác Ấn Độ, Singapore, Indonesia cùng nhiều nước khác. Mỹ sẽ tiến hành các động thái nhằm tái cơ cấu và bổ sung các căn cứ quân sự tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, đảm bảo khả năng quân sự vượt trội của Mỹ tại khu vực, đủ sức mạnh răn đe và chiến thắng các đối thủ tiềm tàng. Đồng thời, Mỹ cũng sẽ cùng các nước đồng minh và đối tác mở rộng quy mô và tần suất các cuộc tập trận trong khu vực.

Tiếp nối những động thái chiến lược này, từ ngày 22-26/10, các thủy thủ đoàn tàu trên tàu chiến USS Vandegrift của Hải quân Mỹ đã tiến hành một cuộc tập trận chung với Hải quân Hoàng gia Campuchia ở Sihanoukville với mục đích thúc đẩy hợp tác giữa hải quân hai nước.

Sang 2013, ngay từ đầu năm, Mỹ liên tiếp có những cuộc tập trận chung với các nước trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Điển hình, ngày 15/1, các chiến đấu cơ của Mỹ và Nhật cũng bắt đầu cuộc tập trận chung, chỉ vài ngày sau khi các phi cơ Nhật Bản và Trung Quốc có pha "gườm" nhau gần không phận quần đảo tranh chấp.Cuộc tập trận kéo dài 5 ngày ở phía tây nam Nhật Bản, có sự tham gia của 6 chiếc US FA-18 và khoảng 90 quân nhân Mỹ, cùng 4 phi cơ F-4 của Nhật. Ngày 4/2, tàu ngầm hạt nhân và tàu khu trục Mỹ tham gia diễn tập hải quân cùng Hàn Quốc, một động thái được cho là để thị uy với Triều Tiên trước cuộc thử hạt nhân mà Bình Nhưỡng dự kiến tiến hành.Ngày 11/2, cuộc tập trận Hổ mang vàng cũng đã bắt đầu với sự tham gia của 13.000 binh lính từ Mỹ và sáu quốc gia Châu Á bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan. Ngày 11/3, binh sỹ Mỹ và Hàn Quốc đã chính thức bắt đầu cuộc tập trận chung mang tên “Giải pháp then chốt”, bất chấp những đe dọa từ Triều Tiên.

Có tổng cộng 10.000 lính Hàn Quốc và 3500 lính Mỹ tham gia cuộc diễn tập kéo dài 2 tuần.[38]

Thứ hai, Mỹ đã tích cực tìm kiếm các thỏa thuận về hợp tác quân sự, mở rộng quan hệ đối tác với các nước trong khu vực.

Với Nhật Bản: Mỹ và Nhật Bản đã ký "Hiệp định quốc tế về đảo Guam" vào tháng 2/2009 với mục tiêu trong vòng 6 năm sẽ chuyển sĩ quan, binh lính và người thân của đội hải quân lục chiến Mỹ dồn trú ở căn cứ Futenma tại Okinawa về đảo Guam

Với New Zealand, ngày 4.11.2010, đã ký kết Tuyên bố Wellington về đối tác chiến lược Mỹ- New Zealand. Tuyên bố nêu rõ ý định của các bên phát triển quan hệ hợp tác trong lĩnh vực chống khủng bố, khắc phục hậu quả thiên tai và không phổ biến vũ khí hủy diệt lớn.

Với Australia, ngày 8.11.2010, kí kết hiệp định ở Melburn giữa Mỹ và Australia về việc tăng quân số các lực lượng quân sự. Các bên cũng thảo luận dự thảo hiệp định Mỹ - Australia về hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và sử dụng khoảng không vũ trụ. Cùng với đó, Mỹ cũng triển khai kế hoạch tăng cường quân sự ở bốn địa điểm như sau: Tàu ngầm và tàu chiến Mỹ đến căn cứ hải quân ở Brisbane; tàu sân bay, tàu chiến và tàu ngầm được tiếp đón tại căn cứ HMAS Stirling ở Perth; ở Darwin, 2.500 lính thủy đánh bộ Mỹ sẽ đóng quân thường trực; trên quần đảo Cocos, Australia sẽ nâng cấp một sân bay để từ đó Mỹ triển khai mát bay do thám P-8 và Global Hawk đến các vùng biển Châu Á. Như vậy, tạo thành một thế vòng cung tiến đến tiếp cận Đông Nam Á một cách dễ dàng bởi vị trí án ngữ đường biển huyết mạch từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương của Australia. Không dừng lại ở đó, theo thỏa thuận mà Tổng thống B.Obama và Thủ

[38] "Mỹ và Ấn Độ sẽ diễn tập quân sự chung tại Nepal", <http://www.xaluan.com/modules.php?name=News&file=article&sid=561492>

tướng Australia Julia Gillard đạt được trong chuyến thăm Australia hai ngày 16 và 17/11/2011, Mỹ sẽ gia tăng hoạt động quân sự ở Australia liên quan đến việc huấn luyện chung cũng như các cuộc tập trận kể từ năm 2012 theo từng giai đoạn. Theo thỏa thuận này, kể từ giữa năm 2012, Australia đón tiếp các đợt triển khai luân phiên trong vòng 6 tháng của một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ gồm khoảng 200-250 lính ở vùng lãnh thổ phía Bắc Australia. Trong những năm tiếp theo, hai bên sẽ nâng số lính thủy đánh bộ Mỹ đồn trú lên khoảng 2.500 binh sĩ, tương đương quân số một đơn vị đặc nhiệm đầy đủ trên không và trên bộ của lính thủy đánh bộ Mỹ.

Với Singapore, chuyến thăm Mỹ ngày 4/4/2012 của Bộ trưởng bộ quốc phòng Sigapore Ng Eng Hen đã đạt được những thỏa thuận quân sự quan trọng. Đặc biệt, bốn tàu chiến LCS và máy bay tuần tra của Mỹ sẽ được triển khai tại Singapore, đồng thời Mỹ có thể tăng cường tàu chiến đến nước này bất kỳ lúc nào Mỹ thấy cần thiết.

Với Philippines, sau cuộc đối thoại tại Mỹ ngày 26-27/1/2012, Philippines đã cho phép Mỹ đưa tàu chiến tới vịnh Subik; cho phép Mỹ triển khai bộ binh theo hình thức luân chuyển quân trong trường hợp Philippines thấy cần thiết.

Như vậy, Mỹ đã hình thành một vòng cung quân sự chiến lược ở Châu Á-Thái Bình Dương với các nước đồng minh thân cận và đối tác tin cậy. Sự hiện diện quân sự này sẽ giúp cho Mỹ linh hoạt trong bố trí lực lượng, dễ dàng kiểm soát và nhanh chóng đối phóvới những ảnh hưởng quân sự từ Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Sự điều chỉnh chiến lược tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương được Mỹ đưa ra nhằm đáp ứng việc duy trì vị thế bá chủ của Mỹ tại khu vực này cũng như trên toàn thế giới. Châu Á – Thái Bình Dương được chọn làm trọng tâm chiến lược

toàn cầu cho thấy sự thay đổi trong quan điểm của chính quyền Obama đối với xác định khu vực ưu tiên. Điều này hoàn toàn phù hợp với những thay đổi của cục diện thế giới hiện nay. Chiến lược mới của Mỹ cũng đã có sự thay đổi trong cách tiếp cận các vấn đề. Mỹ hướng tới một chính sách đa phương cho các giải pháp giải quyết các vấn đề trong khu vực, duy trì và mở rộng ảnh hưởng của mình.

Với những điều chỉnh chiến lược được tiến hành trong thời gian qua, nước Mỹ đã nhận được những phản ứng tích cực từ các nước đồng minh và đa số nước khác khu vực. Tại Myanmar, những cải cách thể chế chính trị được thực hiện trong những năm vừa cho thấy, quốc gia này đang muốn xích lại gần với phương Tây hơn là với một số đồng minh truyền thống. Trong các cuộc bầu cử cuối năm 2012 vừa qua, việc bà Park Geun-hye và ông Shinzo Abe, hai nhân vật được cho là có đường lối đối cứng rắn với Trung Quốc và Triều Tiên, trở thành tổng thống Hàn Quốc và thủ tướng Nhật Bản có thể đem đến mối quan hệ gắn kết chặt chẽ hơn của hai nước này với Mỹ. Nhiều quốc gia mong muốn sự quay trở lại của Mỹ sẽ góp phần kiềm chế tham vọng bành trướng của Trung Quốc cân bằng sức mạnh trong trong khu vực. Mỹ đã tạo ra được mạng lưới các căn cứ quân sự trải rộng khắp khu vực từ Hawaii, Nhật Bản, Philippines và Australia…giúp Mỹ có thể chủ động khi các xung đột, chiến tranh bùng phát bảo đảm được sự tự do lưu thông hàng hải, bảo đảm các lợi ích quốc gia cũng như các nước đồng minh, tạo sức mạnh răn đe, kiềm chế với các đối thủ tiềm năng. Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương được thực thi rộng rãi sẽ giúp Mỹ có khả năng chi phối kinh tế khu vực.

Tuy nhiên, việc thực hiện chiến lược mới của Mỹ cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Thách thức đầu tiên đến từ chính nội tại nền kinh tế, xã hội Mỹ. Đó là nền kinh tế khủng hoảng, tình trạng thất nghiệp cao và sự chia rẽ trong quốc hội Mỹ giữa hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ buộc chính quyền Obama phải tập trung

đối phó. Sự ưu tiên cho chính sách đối ngoại sẽ giảm bớt. Theo đạo luật kiểm soát ngân sách (Budget Control Act), chính phủ Mỹ sẽ phải cắt giảm ngân sách chi tiêu chính phủ, trong đó chi tiêu quốc phòng chịu sự cắt giảm 487 tỷ USD trong vòng 10 năm tới sẽ ảnh hưởng đến khả năng trang bị vũ khí mới, duy trì các căn cứ quân sự và các hoạt động huấn luyện, diễn tập và hợp tác quân sự của Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương.

Thứ hai, sự điều chỉnh của Mỹ hướng trọng tâm chiến lược về khu vực châu Á – Thái Bình Dương đi cùng với những khó khăn trong việc xử lí mối quan hệ với Trung Quốc. Trong bối cảnh, những tham vọng của Trung Quốc ngày càng lớn thì những chính sách ủa Mỹ hướng tới kiềm chế, cô lập Trung Quốc có thể mang lại tác dụng ngược khi quốc gia này trở nên kích động và hiếu chiến hơn. Sự thực thi, sự điều chỉnh mối quan hệ quân sự giữa Mỹ và Trung Quốc, Mỹ và Đài Loan nếu gặp phải một sự sai lầm có thể làm bùng phát xung đột trong khu vực.

Thứ ba, chiến lược mới của Mỹ cam kết duy trì an ninh khu vực và các nước đồng minh có thể khiến các nước đang xảy ra tranh chấp (Nhật, Philippines…) hiểu rằng họ đang được sự chống lưng của Mỹ dẫn tới các hành động cứng rắn, lôi kéo sự can dự của Mỹ dễ gây xung đột. Hoặc ngược lại nếu Mỹ không thể đảm bảo cam kết của mình thì sẽ khiến các nước trong khu vực đi theo xu thế tự củng cố sức mạnh, chạy đua vũ trang hoặc bị Trung Quốc chi phối. Vị thế của Mỹ bị suy giảm, mất niềm tin từ các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Ngoài ra, các nước đang phát triển tại khu vực cũng đang tìm cách tập hợp lại với nhau, gia tăng tiếng nói của mình và khó có thể chấp nhập một vị thế lãnh đạo bá chủ của bất kì quốc gia nào.

Đánh giá về tác động, với tư cách là quốc gia có sức mạnh kinh tế, quân sự đứng đầu thế giới, mỗi sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ luôn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cục diện an ninh, chính trị, kinh tế toàn cầu và khu vực. Việc thực thi chiến lược của Mỹ có thể sẽ khiến cho cán cân quyền lực toàn cầu

nghiêng hẳn về Châu Á-Thái Bình Dương. Một trật tự thế giới mà Mỹ là siêu cường chi phối có thể được duy trì trong tương lai. Nhưng chính sách của Mỹ cũng khó tránh khỏi việc tạo ra cuộc ganh đua quyền lực quyết liệt trên thế giới cũng như tại khu vực, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Mỹ.

Nhiều quốc gia trong khu vực đặc biệt là các đồng minh của Mỹ sẽ có được sự bảo trợ an ninh tương đối. Nếu Mỹ tham gia giải quyết tốt các xung đột trong khu vực sẽ góp phần đảm bảo một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các quốc gia khu vực. Tuy nhiên, sự tham gia của Mỹ cũng có thể đẩy tình hình thêm phức tạp. Các quốc gia trong khu vực sẽ phải đứng trước thách thức nan giải trong việc lựa chọn Trung Quốc hay Mỹ nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia của mình hoặc các chính sách nhằm cân bằng trong mối quan hệ hai quốc gia này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO :

Tài liệu tiếng Việt:

1. Ramses Amer & Nguyễn Hồng Thao (2009), *Nghiên cứu quốc tế*, số 02 (77), trang 73-100.
2. Lê Lan Anh (2011), Nhìn lại chính sách của chính quyền tổng thống B.Obama đối với ASEAN, *Châu Mỹ ngày nay*, số 04(157), trang 9-15.
3. Nguyễn Thị Hương Canh (2010), Trung Quốc trong chính sách Đông Nam Á, Nam Á của Mỹ sau chiến tranh lạnh, *Châu Mỹ ngày nay*, số 03(144), trang 25-29.
4. Nguyễn Thị Kim Chi (2010), Một số vấn đề nổi bật trong quan hệ Mỹ-Trung hiện nay và chính sách của chính phủ Mỹ, *Châu Mỹ ngày nay*, số 02(143), trang 39-48.
5. Nguyễn Thị Kim Chi & Nguyễn Xuân Trung (2010), Chính sách thương mại của Mỹ đối với Trung Quốc trong thập kỉ đầu của thế kỉ XXI, *Châu Mỹ ngày nay*, số 07(148), trang 10-27.
6. Lê Văn Cương (2010), Các trung tâm sức mạnh và khuynh hướng phát triển quan hệ Trung-Mỹ, *Nghiên cứu quốc tế*, số 02 (81), trang 185-194.
7. Nguyễn Thùy Dương (2011), Sự phát triển và những hạn chế trong quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN, *Châu Mỹ ngày nay(156)*, số 03, trang 27-33.
8. Nguyễn Tùng Dương (2009), Tương lai thế và lực của Mỹ: "Khoảnh khắc đơn cực" đã thực sự chấm dứt?, *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (76), trang 133-148.
9. Luận Thùy Dương (2009), Liên kết khu vực ở Đông Á-Thái Bình Dương: Các hướng phát triển, *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (77), trang 129-156.
10. Nguyễn Nam Dương (2011), Về cấu trúc an ninh khu vực châu Á-Thái Bình Dương, *Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (86), trang 119-135.
11. Dương Danh Dy (2010), Một số vấn đề trong quan hệ Trung-Mỹ, *Châu Mỹ ngày nay*, số 09(150), trang 28-37.

12. Vũ Lê Thái Hoàng (2010), Quan hệ Mỹ-Trung và trật tự khu vực châu Á-Thái Bình Dương, *Nghiên cứu quốc tế,* số 1 (80), trang 83-94.

13. Vũ Lê Thái Hoàng (2011), Chiến lược của Mỹ với một Trung Quốc mới, *Nghiên cứu quốc tế,* số 1 (84), trang 107-115.

14. Nguyễn Thế Hùng (2010), Chính sách đối ngoại Mỹ hiện nay, *Châu Mỹ ngày nay,* số 1(142), trang 37-45.

15. Nguyễn Quốc Hùng (2010), Nhật Bản và vị thế trong trật tự khu vực Đông Á những năm sắp tới, *Nghiên cứu quốc tế*, số 3(82),trang 71-88.

16. Nguyễn Lan Hương (2011), Điều chỉnh các mục tiêu và ưu tiên trong chính sách đối ngoại dưới thời tổng thống George W.Bush, *Châu Mỹ ngày nay,* số 5(158), trang 32-42.

17. Nguyễn Lan Hương (2011), Một số điều chính chính sách đối ngoại của tổng thống Obama, *Châu Mỹ ngày nay*, số 12(165), trang 43-53.

18. Vũ Đăng Linh, Nguyễn Minh Tuấn (2010), Quan điểm và chính sách của Mỹ đối với vấn đề hội nhập của Đông Nam Á, *Châu Mỹ ngày nay*, số 03(144), trang 30-37.

19. Nguyễn Đình Luân (2010), Một số đặc điểm cạnh tranh quyền lực trong hai thập niên đầu thế kỉ 21, *Nghiên cứu quốc tế,* số 1(80), trang 135-154.

20. Nguyễn Đình Luân (2010), Năm đặc điểm của tư duy về quan hệ quốc tế sau chiên tranh lạnh, *Nghiên cứu quốc tế,* số 3(82), trang 145-173.

21. Nguyễn Ngọc Mạnh (2010), Nhật Bản và chính sách châu Á – Thái Bình Dương của tổng thống Barack Obama, *Châu Mỹ ngày nay,* số 1(142), trang 27-31.

22. Nguyễn Nhâm (2011), "Chiến lược can dự trở lại" châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ, *Châu Mỹ ngày nay,* số 5(158), trang 43-52.

23. Nguyễn Nhâm (2011), Những điểm mới trong chiến lược của Mỹ đối với ASEAN và biển Đông, *Châu Mỹ ngày nay,* số 12(165), trang 19- 28.

24. Nguyễn Kỳ Sơn & Trần Nguyễn Tuyên (2010), Điều chỉnh chính sách đối ngoại của chính quyền Obama hiện nay, *Châu Mỹ ngày nay*, số 6(147), trang 42-50.

25. Lê Khương Thùy (2010), Sự điều chỉnh chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama, *Châu Mỹ ngày nay*, số 12(153), trang 36-51.

26. Lê Khương Thùy (2011), Sự điều chỉnh chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama (phần tiếp), *Châu Mỹ ngày nay*, số 1(154), trang 50-54.

27. Lê Đình Tĩnh (2011), Chính sách đối ngoại Mỹ kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc: Hướng tiếp cận và một số vấn đề lý thuyết, *Nghiên cứu quốc tế*, số 4 (87), trang 65-97.

28. Phạm Thùy Trang (2009), Lợi ích của Mỹ tại biển Đông, *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (77), trang 27-36.

29. Nguyễn Ngọc Trường (2012), Mỹ với Biển Đông: Một phần của cuộc cạnh tranh chiến lược, <http://sgtt.vn/Quoc-te/168358/My-voi-Bien-Dong-Mot-phan-cua-cuoc-canh-tranh-chien-luoc.html>, ngày truy cập: 19/10/2012

30. Khôi Nguyên (2012), Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông, <http://www.petrotimes.vn/news/vn/quoc-te/ho-so-su-kien/canh-tranh-chien-luoc-my-trung-quoc-tai-bien-dong.html>, ngày truy cập: 19/10/2012.

31. Nguyễn Ngọc Trường (2012), Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Châu Á - Thái Bình Dương, <http://tuoitre.vn/Tuoi-tre-cuoi-tuan//Cuoc-song-muon-mau/Phong-su-ho-so/496928/Canh-tranh-chien-luoc-My---Trung-o-chau-A---Thai-Binh-Duong.html>, ngày truy cập: 21/10/2012.

Tài liệu tiếng Anh:

32. Brahma Chellaney (2012) ,U.S. Strategy in the Asia-Pacific Report, <http://studies.aljazeera.net/ResourceGallery/media/Documents/2012/2/15/201221510538465734U.S.%20Strategy%20in%20the%20Asia-Pacific.pdf>, ngày truy cập: 21/10/2012.

33. Tanguy STruye de Swielande (2012), The Reassertion of the United States in the Asia-Pacific Region,

<http://www.carlisle.army.mil/USAWC/parameters/Articles/2012spring/Struye_de_Swielande.pdf>, ngày truy cập: 21/10/1012.

34. U.S. Department of Defense, Sustaining U.S. Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense,
<http://www.defense.gov/news/Defense_Strategic_Guidance.pdf>, ngày truy cập: 21/10/2012.

PHỤ LỤC 1

TOÀN VĂN CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ MỚI CỦA MỸ NĂM 2012

NHÀ TRẮNG, OASINHTƠN, ngày 3/1/2012

Quốc gia của chúng ta đang trong một thời điểm chuyển tiếp. Nhờ những sự hy sinh lớn lao của các quân nhân nam, nữ của chúng ta, chúng ta đã kết thúc có trách nhiệm cuộc chiến tranh ở Irắc, đưa Al Qaeda vào con đường thất bại - kể cả thực thi công lý với Osama bin Laden – và đạt được tiến bộ đáng kể ở Ápganixtan, cho phép chúng ta bắt đầu chuyển giao trách nhiệm cho Ápganixtan. Đồng thời, chúng ta phải sắp xếp lại trật tự ngôi nhà tài chính của chúng ta ở trong nước và khôi phục sức mạnh kinh tế dài hạn của chúng ta. Vì mục đích đó, Đạo luật Kiểm soát ngân sách 2011 đã yêu cầu giảm chi phí liên bang, kể cả chi phí quốc phòng. Với tư cách là Tổng tư lệnh, tôi quyết định rằng chúng ta phải đáp ứng những thách thức của thời điểm này một cách có trách nhiệm và chúng ta nổi lên thậm chí còn mạnh hơn theo cách duy trì sự lãnh đạo toàn cầu của Mỹ, duy trì ưu thế quân sự của chúng ta, và giữ lời hứa với binh sĩ, các gia đình quân nhân và cựu chiến binh của chúng ta. Do vậy, tôi chỉ đạo bản đánh giá này nhằm xác định rõ những lợi ích chiến lược của chúng ta và chỉ dẫn những ưu tiên và chi phí phòng thủ của chúng ta trong những năm tới. Đánh giá này đã được định hình bởi những lợi ích an ninh quốc gia lâu dài của Mỹ. Chúng ta tìm kiếm an ninh của quốc gia, của các đồng minh và các đối tác của chúng ta. Chúng ta tìm kiếm sự thịnh vượng bắt nguồn từ một hệ thống kinh tế quốc tế mở cửa và tự do. Và chúng ta tìm kiếm một trật tự quốc tế công bằng và bền vững ở đó các quyền lợi và trách nhiệm của các quốc gia và các dân tộc được duy trì, đặc biệt các quyền cơ bản của mọi con người. Quả thực, khi chúng ta kết thúc các cuộc chiến tranh của ngày nay, chúng ta sẽ tập trung vào một loạt rộng rãi hơn những thách thức và cơ hội, kể cả an ninh và thịnh vượng của châu Á-Thái Bình Dương. Khi một thế hệ mới khắp Trung Đông và Bắc Phi đòi hỏi các quyền lợi chung của họ,

chúng ta ủng hộ cải cách chính trị và kinh tế và làm sâu sắc thêm các quan hệ đối tác để đảm bảo an ninh khu vực. Trái với tầm nhìn đầy sát khí của những kẻ cực đoan bạo lực, chúng ta tham gia cùng các đồng minh và đối tác trên khắp thế giới để xây dựng khả năng của họ thúc đẩy an ninh, thịnh vượng, và nhân phẩm. Và khả năng ngày càng tăng của các đồng minh và đối tác, như được thể hiện trong sứ mệnh thành công để bảo vệ người dân Libi, tạo ra những cơ hội mới cho việc chia sẻ gánh nặng.

Đáp ứng những thách thức này không thể chỉ là công việc của quân đội chúng ta, điều là lý do tại sao chúng ta đã tăng cường tất cả các công cụ của sức mạnh Mỹ, bao gồm ngoại giao và phát triển, tình báo và an ninh nội địa. Tiến về phía trước, chúng ta cũng sẽ nhớ những bài học của lịch sử và tránh lặp lại những sai lầm của quá khứ, khi quân đội của chúng ta bị để trong tình trạng không được chuẩn bị tốt cho tương lai. Khi chúng ta kết thúc các cuộc chiến tranh hiện nay và định hình lại Các lực lượng vũ trang của chúng ta, chúng ta sẽ đảm bảo rằng quân đội của chúng ta là nhanh nhạy, linh hoạt, và sẵn sàng cho một loạt đầy đủ các sự việc bất ngờ. Đặc biệt, chúng ta sẽ tiếp tục đầu tư vào những khả năng thiết yếu cho thành công tương lai, bao gồm tình báo, giám sát và do thám; chống khủng bố; chống vũ khí hủy diệt hàng loạt; hoạt động trong môi trường chống tiếp cận; và thắng thế trên tất cả các lĩnh vực, kể cả không gian mạng. Quan trọng nhất, chúng ta sẽ giữ lời hứa với các binh sĩ, các gia đình quân nhân và các cựu chiến binh của chúng ta những người đã mang gánh nặng của một thập kỷ chiến tranh và những người làm cho quân đội chúng ta trở thành quân đội giỏi nhất trên thế giới.Mặc dù chúng ta phải đưa ra những lựa chọn tài chính khó khăn, chúng ta sẽ tiếp tục ưu tiên những nỗ lực tập trung vào các thương binh, sức khỏe tâm thần và các gia đình. Và khi các cựu chiến binh mới nhất của chúng ta quay trở lại với cuộc sống dân sự, chúng ta tiếp tục có một cam kết theo đạo lý – với tư cách là một chính phủ và một quốc gia – đem lại cho các cựu chiến binh của chúng ta sự chăm sóc,

những lợi ích và cơ hội việc làm mà họ xứng đáng được hưởng. Những lựa chọn tài chính mà chúng ta đối mặt là những lựa chọn khó khăn, nhưng không nên có sự nghi ngờ - ở nước Mỹ đây và trên khắp thế giới – chúng ta sẽ duy trì Các lực lượng vũ trang của chúng ta là lực lượng chiến đấu được huấn luyện tốt nhất, được lãnh đạo tốt nhất và được trang bị tốt nhất trong lịch sử. Và trong một thế giới đang thay đổi đòi hỏi sự lãnh đạo của chúng ta, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ sẽ vẫn là sức mạnh lớn nhất vì tự do và an ninh mà thế giới từng biết đến.

Barack Obama

(Nguồn: http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/2335-toan-vn-chin-lc-quan-s-mi-ca-m)

PHỤ LỤC 2

REMARKS BY SECRETARY PANETTA AT THE SHANGRI-LA DIALOGUE IN SINGAPORE

SECRETARY OF DEFENSE LEON PANETTA: Thank you very much, John, for that kind introduction.

Ladies and gentlemen, it is an honor to have the opportunity to attend my first Shangri-La Conference. I want to commend the International Institute for Strategic Studies for fostering this very important dialogue, this very important discussion that is taking place here this weekend.

I am, as I understand it, the third United States secretary of defense to appear at this forum, across administrations from both political parties in the United States. That is, I believe, a testament to the importance that the United States places in this dynamic and critical region of the world.

It is in that spirit that I have come to Singapore, at the beginning of an eight-day journey across Asia that will take me to Vietnam and to India as well.

The purpose of this trip, and of my remarks today, is to explain a new defense strategy that the United States has put in place and why the United States will play a deeper and more enduring partnership role in advancing the security and prosperity of the Asia-Pacific region, and how the United States military supports that goal by rebalancing towards this region.

Since the United States grew westward in the 19th century, we have been a Pacific nation. I was born and raised in a coastal town in California called Monterey, and have spent a lifetime looking out across the Pacific Ocean. As a fishing community, as a port, the ocean was the lifeblood of our economy. And some of my earliest memories as a child during World War II are of watching American troops pass through my community, trained at the military reservation called Fort Ord, and were on their way to face battle in the Pacific.

I remember the fear that gripped our community during World War II, and later when war again broke out on the Korean Peninsula. Despite the geographic distance that separates us, I've always understood that America's fate is inexorably linked with this region.

This reality has guided more than six decades of U.S. military presence and partnership in this region -- a defense posture which, along with our trading relations, along with our diplomatic ties, along with our foreign assistance, helped usher in an unprecedented era of security and prosperity in the latter half of the 20th century.

In this century, the 21st century, the United States recognizes that our prosperity and our security depends even more on the Asia-Pacific region. After all, this region is home to some of the world's fastest growing economies: China, India, and Indonesia to mention a few. At the same time, Asia-Pacific contains the world's largest populations, and the world's largest militaries. Defense spending in Asia is projected by this institute, the IISS, to surpass that of Europe this year, and there is no doubt that it will continue to increase in the future.

Given these trends, President Obama has stated the United States will play a larger role in this region over the decades to come. This effort will draw on the strengths of the entire United States government. We take on this role not as a distant power, but as part of the Pacific family of nations. Our goal is to work closely with all of the nations of this region to confront common challenges and to promote peace, prosperity, and security for all nations in the Asia-Pacific region.

My colleague and my good friend Secretary of State Hillary Clinton has also outlined our refocus on the Asia-Pacific, emphasizing the crucial part that diplomacy, trade, and development will play in our engagement.

The same is true for defense policy. We will play an essential role in promoting strong partnerships that strengthen the capabilities of the Pacific nations to defend and secure themselves. All of the U.S. military services are focused on implementing the president's guidance to make the Asia-Pacific a top priority. Before I detail these specific efforts, let me provide some context for our broader defense strategy in the 21st century.

The United States is at a strategic turning point after a decade of war. We have significantly weakened al-Qaida's leadership and ability to attack other nations. We have sent a very clear message that nobody attacks the United States and gets away with it. Our military mission in Iraq has ended and established -- established an Iraq that can secure and govern itself.

In Afghanistan, where a number of Asia-Pacific nations are playing a critical role in the international coalition, we have begun our transition to the Afghan security lead and to an Afghanistan that can secure and govern itself.

Recent meeting in Chicago, NATO and its partners -- over 50 nations -- came together to support General Allen's plan to accomplish this goal. In addition to that, we joined in a successful NATO effort to return Libya to the Libyan people.

But even as we have been able to draw these wars to a hopeful end, we are confronted today by a wide range of complex global challenges. From terrorism -- terrorism still remains a threat to the world -- from terrorism to the destabilizing behavior of Iran and North Korea, from nuclear proliferation to the new threat of cyberattack, from continuing turmoil in the Middle East to territorial disputes in this region.

At the same time, the United States, like many other nations, is dealing with large debt and large deficits, which has required the Department of Defense to reduce the planning budget by nearly half a trillion dollars or specifically $487 billion that were directed to be reduced by the Congress in the Budget Control Act over the next decade.

But this new fiscal reality, challenge that many nations confront these days, has given us an opportunity to design a new defense strategy for the 21st century that both confronts the threats that we face and maintains the strongest military in the world.

This strategy makes clear the United States military, yes, it will be smaller, it will be leaner, but it will be agile and flexible, quickly deployable, and will employ cutting-edge technology in the future. It makes equally clear that while the U.S. military will remain a global force for security and stability, we will of necessity rebalance towards the Asia-Pacific region. We will also maintain our presence throughout the world. We will do it with innovative rotational deployments that emphasize creation of new partnerships and new alliances. We will also invest, invest in cyber, invest in space, invest in unnamed systems, invest in special forces operations. We will invest in the newest technology and we will invest in the ability to mobilize quickly if necessary.

We have made choices and we have set priorities, and we have rightly chosen to make this region a priority.

Our approach to achieving the long-term goal in the Asia-Pacific is to stay firmly committed to a basic set of shared principles -- principles that promote international rules and order to advance peace and security in the region, deepening and broadening our bilateral and multilateral partnerships, enhancing and adapting the U.S. military's enduring presence in this region, and to make

new investments in the capabilities needed to project power and operate in Asia-Pacific.

Let me discuss each of these shared principles. The first is the shared principle that we abide by international rules and order.

Let me underscore that this is not a new principle, our solid commitment to establish a set of rules that all play by is one that we believe will help support peace and prosperity in this region.

What are we talking about? These rules include the principle of open and free commerce, a just international order that emphasizes rights and responsibilities of all nations and a fidelity to the rule of law; open access by all to their shared domains of sea, air, space, and cyberspace; and resolving disputes without coercion or the use of force.

Backing this vision involves resolving disputes as quickly as possible with diplomatic efforts. Backing these principles has been the essential mission of the United States military in the Asia-Pacific for more than 60 years and it will be even a more important mission in the future. My hope is that in line with these rules and international order that is necessary that the United States will join over 160 other nations in ratifying the Law of Seas Convention this year.

The second principle is one of partnerships. Key to this approach is our effort to modernize and strengthen our alliances and partnerships in this region. The United States has key treaty alliances with Japan, South Korea, Australia, Philippines and Thailand. We have key partners in India, Singapore, Indonesia, and other nations. And we are working hard to develop and build stronger relations with China.

As we expand our partnerships, as we strengthen our alliances, the United States-Japan alliance will remain one of the cornerstones for regional security and prosperity in the 21st century. For that reason, our two militaries are enhancing their ability to train and operate together, and cooperating closely in areas such as maritime security and intelligence, surveillance and reconnaissance. We are also jointly developing high-tech capabilities, including the next generation missile defense interceptor, and exploring new areas of cooperation in space and in cyberspace.

In the past several months we have strengthened the alliance and our broader strategic objectives in the region with a revised plan to relocate Marines from Okinawa to Guam. This plan will make the U.S. presence in Okinawa more

politically sustainable, and it will help further develop Guam as a strategic hub for the United States military in the Western Pacific, improving our ability to respond to a wide range of contingencies in the Asia-Pacific region.

Another linchpin of our Asia-Pacific security is the U.S. alliance with the Republic of Korea. During a year of transition and provocation on the Korean Peninsula, this alliance has been indispensable, and I have made it a priority to strengthen it for the future. To that end, even as the United States reduces the overall size of its ground forces in the coming years in a transitional way over a five-year period, we will maintain the United States Army's significant presence in Korea.

We are also boosting our intelligence and information sharing with the Republic of Korea, standing firm against hostile provocations from North Korea while transforming the alliance with new capabilities to meet global challenges.

The third shared principle is presence. While strengthening our traditional alliances in Northeast Asia and maintaining our presence there, as part of this rebalancing effort we are also enhancing our presence in Southeast Asia and in the Indian Ocean region.

A critical component of that effort is the agreement announced last fall for a rotational Marine Corps presence and aircraft deployments in northern Australia.

The first detachment of Marines arrived in April, and this Marine Air-Ground Task Force will be capable of rapidly deploying across the Asia-Pacific region, thereby enabling us to work more effectively with partners in Southeast Asia and the Indian Ocean and tackle common challenges such as natural disasters and maritime security.

These Marines will conduct training and exercises throughout the region and with Australia, strengthening one of our most important alliances and building on a decade of operational experience together in Afghanistan. Speaking of that, I welcome and applaud Australia's announcement that later this year it will assume leadership of Combined Team Uruzgan, and will lead our security efforts there through 2014.

We're also continuing close operational cooperation with our longtime ally, Thailand. The Thais annually host COBRA GOLD, a world-class multilateral military exercise, and this year we will deepen our strategic cooperation to meet shared regional challenges.

We are energizing our alliance with the Philippines. Last month in Washington I joined Secretary Clinton in the first-ever "2+2" meeting with our Filipino counterparts. Working together, our forces are successfully countering terrorist groups. We are also pursuing mutually beneficial capability enhancements, and working to improve the Philippine's maritime presence. Chairman Dempsey will be traveling from here to the Philippines to further our military engagement.

Another tangible manifestation of our commitment to rebalancing is our growing defense relationship with Singapore. Our ability to operate with Singaporean forces and others in the region will grow substantially in the coming years when we implement the forward deployment of the Littoral Combat Ships to Singapore.

As we take existing alliances and partnerships in new directions, this rebalancing effort also places a premium on enhancing partnerships with Indonesia, Malaysia, India, and Vietnam, and New Zealand.

In the coming days I will travel to Vietnam to advance bilateral defense cooperation, building off of the comprehensive memorandum of understanding that our two nations signed last year.

From Vietnam, I will travel to India to affirm our interest in building a strong security relationship with a country I believe will play a decisive role in shaping the security and prosperity of the 21st century.

As the United States strengthens these regional partnerships, we will also seek to strengthen a very important relationship with China. We believe China is a key to being able to develop a peaceful, prosperous, and secure Asia-Pacific in the 21st century. And I am looking forward to traveling there soon at the invitation of the Chinese government. Both of our nations recognize that the relationship -- this relationship between the United States and China is one of the most important in the world. We in the United States are clear-eyed about the challenges, make no mistake about it, but we also seek to grasp the opportunities that can come from closer cooperation and a closer relationship.

I'm personally committed to building a healthy, stable, reliable, and continuous mil-to-mil relationship with China. I had the opportunity to host Vice President Xi and later Defense Minister General Liang at the Pentagon in the effort to pursue that goal. Our aim is to continue to improve the strategic trust that we must have between our two countries, and to discuss common approaches to dealing with shared security challenges.

We are working with China to execute a robust military-to-military engagement plan for the rest of this year, and we will seek to deepen our partnership in humanitarian assistance, counter-drug, and counter-proliferation efforts. We have also agreed on the need to address responsible behavior in cyberspace and in outer space. We must establish and reinforce agreed principles of responsible behavior in these key domains.

I know that many in the region and across the world are closely watching the United States-China relationship. Some view the increased emphasis by the United States on the Asia-Pacific region as some kind of challenge to China. I reject that view entirely. Our effort to renew and intensify our involvement in Asia is fully compatible -- fully compatible -- with the development and growth of China. Indeed, increased U.S. involvement in this region will benefit China as it advances our shared security and prosperity for the future.

In this context, we strongly support the efforts that both China and Taiwan, both have made in recent years trying to improve cross-strait relations. We have an enduring interest in peace and stability across the Taiwan Strait. The United States remains firm in the adherence to a one-China policy based on the Three Communiqués and the Taiwan Relations Act.

China also has a critical role to play in advancing security and prosperity by respecting the rules-based order that has served the region for six decades. The United States welcomes the rise of a strong and prosperous and successful China that plays a greater role in global affairs.

Another positive step towards furthering this rules-based order is Asia's deepening regional security architecture, which the United States strongly supports. Last October, I had the opportunity to be the first U.S. secretary of defense to meet privately with all ASEAN defense ministers in Bali. We applaud the ASEAN Defense Ministers Meeting Plus for producing real action plans for multilateral military cooperation, and I strongly support the ASEAN decision to hold more frequent ADMM-Plus discussions at the ministerial level. We think this is an important step for stability, real coordination, communication, and support between these nations.

The United States believes it is critical for regional institutions to develop mutually agreed rules of the road that protect the rights of all nations to free and open access to the seas. We support the efforts of the ASEAN countries and China to develop a binding code of conduct that would create a rules-based framework for regulating the conduct of parties in the South China Sea, including the prevention and management of disputes.

On that note, we are obviously paying close attention to the situation in Scarborough Shoal in the South China Sea. The U.S. position is clear and consistent: we call for restraint and for diplomatic resolution; we oppose provocation; we oppose coercion; and we oppose the use of force. We do not take sides when it comes to competing territorial claims, but we do want this dispute resolved peacefully and in a manner consistent with international law. We have made our views known and very clear to our close treaty ally, the Philippines, and we have made those views clear to China and to other countries in the region.

As a Pacific power, the United States has a national interest in freedom of navigation, in unimpeded economic development and commerce, and in a respect for the rule of law. Our alliances, our partnerships, and our enduring presence in this region all serve to support these important goals.

For those who are concerned about the ability of the United States to maintain a strong presence in the Asia-Pacific region in light of the fiscal pressures we face, let me be very clear. The Department of Defense has a five-year budget plan and a detailed blueprint for implementing this strategy I just outlined for realizing our long-term goals in this region, and for still meeting our fiscal responsibilities.

The final principle -- shared principle that we all have is force projection.

This budget is the first in what will be a sustained series of investments and strategic decisions to strengthen our military capabilities in the Asia-Pacific region. I would encourage you to look at the increasing technological capabilities of our forces as much as their numbers in judging the full measure of our security presence and our security commitment.

For example, over the next five years we will retire older Navy ships, but we will replace them with more than 40 far more capable and technologically advanced ships. Over the next few years we will increase the number and the size of our exercises in the Pacific. We will also increase and more widely distribute our port visits, including in the important Indian Ocean region.

And by 2020 the Navy will reposture its forces from today's roughly 50/50 percent split between the Pacific and the Atlantic to about a 60/40 split between those oceans. That will include six aircraft carriers in this region, a majority of our cruisers, destroyers, Littoral Combat Ships, and submarines.

Our forward-deployed forces are the core of our commitment to this region and we will, as I said, sharpen the technological edge of our forces. These forces are also backed up by our ability to rapidly project military power if needed to meet our security commitments.

Therefore, we are investing specifically in those kinds of capabilities -- such as an advanced fifth-generation fighter, an enhanced Virginia-class submarine, new electronic warfare and communications capabilities, and improved precision weapons -- that will provide our forces with freedom of maneuver in areas in which our access and freedom of action may be threatened.

We recognize the challenges of operating over the Pacific's vast distances. That is why we are investing in new aerial-refueling tankers, a new bomber, and advanced maritime patrol and anti-submarine warfare aircraft.

In concert with these investments in military capabilities, we are developing new concepts of operation which will enable us to better leverage the unique strengths of these platforms and meet the unique challenges of operating in Asia-Pacific. In January, the department published a Joint Operational Access Concept which, along with these related efforts like Air-Sea Battle, are helping the Department meet the challenges of new and disruptive technologies and weapons that could deny our forces access to key sea routes and key lines of communication.

It will take years for these concepts and many of the investments that I just detailed, but we are making those investments in order that they be fully realized. Make no mistake -- in a steady, deliberate, and sustainable way the United States military is rebalancing and bringing an enhanced capability development to this vital region.

Earlier this week I had the opportunity to deliver the commencement address at the U.S. Naval Academy. And there I had the pleasure of handing a diploma to the first foreign student to achieve top graduate honors, a young midshipman from Singapore: Sam Tan Wei Chen.

I told that graduating class of midshipmen that it would be the project of their generation to meet the challenges and seize the opportunities that are emanating from the Asia-Pacific region.

By working in concert with all elements of American power, I truly believe that these young men and women will have the opportunity to play a vital

role in securing a century of peace and prosperity for the United States and for all of the nations of this region.

Over the course of history, the United States has fought wars, we have spilled blood, we have deployed our forces time and time again to defend our vital interests in the Asia-Pacific region. We owe it to all of those who have fought and died to build a better future for all nations in this region.

The United States has long been deeply been involved in the Asia-Pacific. Through times of war, times of peace, under Democratic and Republican leaders and administrations, through rancor and through comity in Washington, through surplus and through debt. We were there then, we are here now, and we will be here for the future.

Thank you.

(Nguồn: http://www.defense.gov/transcripts/transcript.aspx?transcriptid=5049)